

CÔNG TY CỔ  
PHẦN ĐẦU  
TƯ DU LỊCH  
VÀ PHÁT  
TRIỂN THỦY  
SẢN P

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN  
DN: C=VN, S=Đồng Tháp,  
L=Lấp Vò, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1  
=MST:1600895650  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2022-03-25 14:26:24

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TRISEDCO



**MÃ CHỨNG KHOÁN: DAT**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**





## MỤC LỤC

### GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	1
Thông tin cơ bản	3
Quá trình tăng vốn	4
Tầm nhìn – Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi	5
Lịch sử hình thành và phát triển	7
Ngành nghề kinh doanh	9
Địa bàn kinh doanh	11
Sơ đồ quản trị	12
Công ty liên doanh liên kết	13
Giới thiệu HĐQT, Ban Điều hành và Ban KTNB	14

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Phân tích SWOT	19
Định hướng phát triển	21
Gắn kết các bên liên quan	24

### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2021 và triển vọng năm 2022	27
Tổng quan tình hình cá Tra năm 2021 và triển vọng năm 2022	29
Công tác ứng phó dịch bệnh Covid – 19	31
Báo cáo Hội đồng quản trị	32
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	37
Các chỉ tiêu tài chính	41
Báo cáo lực lượng lao động	44
Kế hoạch kinh doanh năm 2022	47

01

02

03

### QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	49
Hội đồng quản trị	52
Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ	57
Thông tin cổ phần và cơ cấu cổ đông	58
Các giao dịch thù lao và khoảng lợi ích của HĐQT, BDH và Ban KTNB	61
Quản trị rủi ro	62

04

### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững	63
Các yếu tố trọng yếu về phát triển	64

05

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính	65
Bảng cân đối kế toán	
Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh	
Bảng lưu chuyển tiền tệ	
Thuyết minh báo cáo tài chính	

06

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

***Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể CB-CNV Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản!***

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản – Trisedco, tôi xin gửi lời chào, lời tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý vị đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2021, là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Chúng ta đã trải qua những biến động và gánh chịu những hậu quả to lớn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 trên toàn cầu đã xảy ra từ năm 2020 đến nay. Hai năm qua các nền kinh tế trên thế giới đã phải đối mặt với một thời kỳ đầy khó khăn hầu như chưa từng gặp phải, hầu hết các Công ty phải đương đầu, chống chọi và chỉ tập trung chủ yếu giải quyết, khắc phục những hậu quả nặng nề do đại dịch tạo ra. Bên cạnh đó, xung đột thương mại Mỹ - Trung sẽ mở rộng sang các lĩnh vực mới làm phức tạp thêm quan hệ giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới. Năm 2021, có thể thấy rõ được nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề cùng với nền kinh tế thế giới. Ta thấy rõ được những bước lùi nhất định của kinh tế trong và ngoài nước.



**Ông Lê Văn Chung – Chủ tịch HĐQT**

Tuy nhiên, vẫn tiếp tục những giải pháp quyết liệt trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, nền kinh tế Việt Nam đã cố gắng giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng từ đại dịch, tiếp tục phục hồi kinh tế liên tục ghi nhận những con số tăng trưởng dương, đóng góp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước.

Song với đó, tất cả các doanh nghiệp đều không chấp nhận lùi bước trước những khó khăn chung và thách thức trên của nền kinh tế thì Công ty Trisedco phải ra sức giữ đà kinh doanh, đảm bảo đời sống Cán bộ - công nhân viên (CB-CNV) của Công ty.

Năm 2021, kết quả kinh doanh của Công ty Trisedco đạt được doanh thu thuần ở mức 2.260 tỷ đồng, đạt 107,62% so với kế hoạch đề ra và tăng 4,63% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 34,66 tỷ đồng, đạt 86,65% so với kế hoạch đề ra và giảm 33,24% so với năm 2020.

Trong bối cảnh khó khăn trên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Trisedco đã nhận định được tình hình, đúng mức về thị trường hàng hóa, nguyên vật liệu để có sự chuẩn bị và ứng biến phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương



lai. Tuy nhiên, với những tác động nghiêm trọng kéo dài của đại dịch ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh tế và hiện nay mặc dù chúng ta đã và đang thích ứng với trạng thái bình thường mới nhưng những hậu quả mà đại dịch mang lại vẫn ảnh hưởng khó lường đến nền kinh tế thế giới, trong nước. Bên cạnh đó, những cạnh tranh gay gắt đến từ những công ty cùng ngành trong khu vực ngày càng lớn. Nhưng Trisedco vẫn luôn tin tưởng vào những chính sách vĩ mô, kiểm chế lạm phát, tái cơ cấu nền kinh tế, phòng chống dịch bệnh của Chính phủ, cùng với tinh thần lạc quan, đoàn kết sáng tạo, cải tiến và thi đua trong sản xuất kinh doanh, Trisedco đã và đang nắm bắt những cơ hội để phát huy thế mạnh của Công ty để đạt được những thành công cao nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB – CNV Trisedco cùng với quyết tâm cố gắng bậc và chạy hết sức mình để cùng vượt qua khó khăn và cùng xây dựng nên một tập thể Công ty vững mạnh, nhanh chóng đạt được chỉ tiêu kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Chúng tôi đã đề ra kế hoạch năm 2022 với chỉ tiêu doanh thu thuần là 2.300 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế là 150 tỷ đồng với mục tiêu

bảo toàn nguồn lực vượt qua khủng hoảng và khôi phục hậu đại dịch Covid – 19.

Một lần nữa, thay mặt Ban Tổng Giám đốc tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông và toàn thể CB – CNV đã luôn ủng hộ, tin tưởng và đồng hành trong các chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty. Nhờ đó, Công ty Trisedco mới có những bước phát triển mới trong chặng đường kinh doanh phát triển dài hạn, phấn đấu đưa Trisedco trở thành một trong những Công ty vững mạnh trong ngành Thủy Sản Việt Nam. Vì thế, chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong những chặng đường sắp tới. Tôi xin kính chúc Quý vị lời chúc sức khỏe hạnh phúc, thịnh vượng và đạt nhiều thành công trong năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**LÊ VĂN CHUNG**

## THÔNG TIN CƠ BẢN



**TRISED CO**  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH  
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

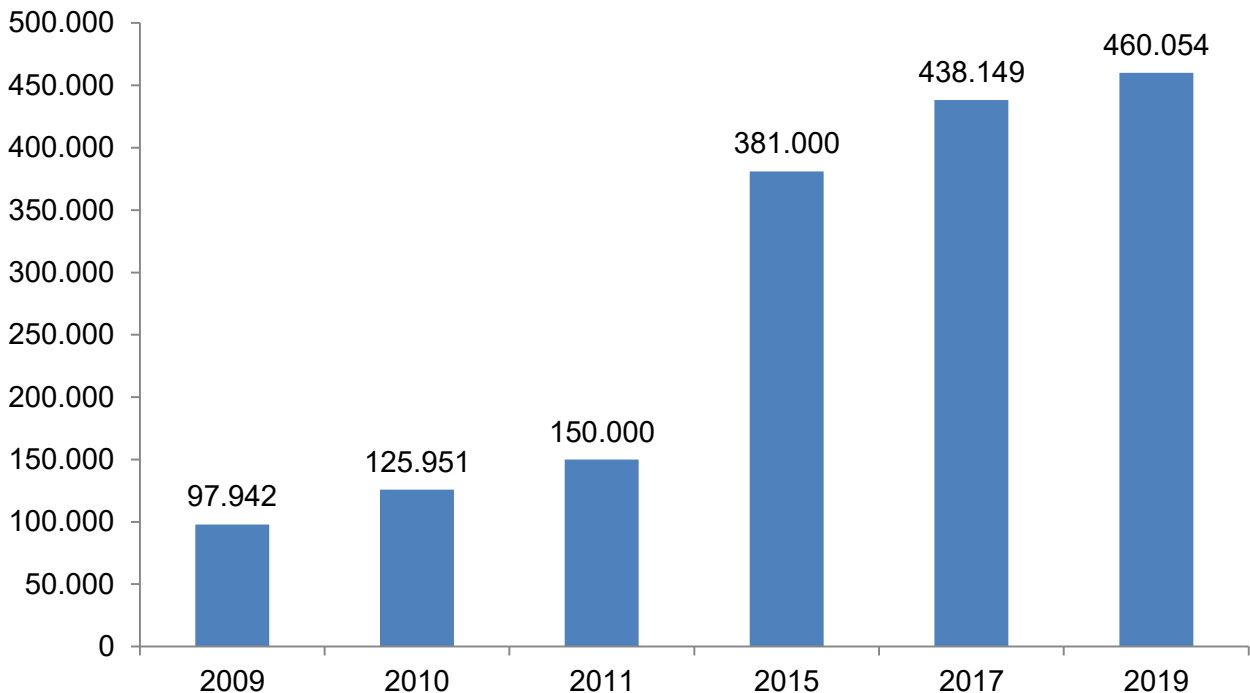
<b>Tên giao dịch</b>	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
<b>Tên tiếng anh</b>	: Travel Investment And Seafood Development Corporation
<b>Tên viết tắt</b>	: TRI.SED.CO
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN số</b>	: 1600 895 650
<b>Địa chỉ trụ sở</b>	: Quốc lộ 80, Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
<b>Điện thoại</b>	: 02773 680 660
<b>Fax</b>	: 02773 680 660
<b>Vốn điều lệ</b>	: 460.054.130.000 đồng
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	: 683.559.713.344 đồng (tính đến 31/12/2021)
<b>Website</b>	: <a href="http://www.trisedco.com">www.trisedco.com</a>
<b>Mã chứng khoán</b>	: DAT
<b>Sàn niêm yết</b>	: HOSE
<b>Ngày bắt đầu niêm yết</b>	: 05/11/2015
<b>Mệnh giá cổ phiếu</b>	: 10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	: 46.005.413 cổ phiếu

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Tính đến 12/2021, Công ty đã thay đổi vốn điều lệ 07 lần, từ số vốn đăng ký ban đầu là 53.000 triệu đồng lên 460.054 triệu đồng. Các lần thay đổi vốn điều lệ trên, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như đã báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm:

- Tăng vốn lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 25.228 triệu đồng lên 97.942 triệu đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 15/05/2008
- Tăng vốn lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 97.942 triệu đồng lên 125.951 triệu đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2009 ngày 05/11/2009.
- Tăng vốn lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 125.951 triệu đồng lên 150.000 triệu đồng theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2009 ngày 05/11/2009 và nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011.
- Tăng vốn lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 150.000 triệu đồng lên 380.000 triệu đồng theo nghị quyết số 02/NQ.ĐHĐCĐ/2014 ngày 19/10/2014.
- Tăng vốn lần 5: Tăng vốn điều lệ từ 380.000 triệu đồng lên 381.000 triệu đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 15/01/2015.
- Tăng vốn lần 6: Tăng vốn điều lệ từ 381.000 triệu đồng lên 438.149 triệu đồng theo nghị quyết số 07/NQ.HĐQT-2017 ngày 16/10/2017 và nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.
- Tăng vốn lần 7: Tăng vốn điều lệ từ 438.149 triệu đồng lên 460.054 triệu đồng theo Nghị quyết số 0522/NQ.HĐQT-2019 ngày 22/05/2019 và nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.

### BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỐN



*Biểu đồ tăng trưởng vốn của Công ty Trisedco*



## TẦM NHÌN

DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP ĐỨNG ĐẦU VIỆT NAM CỦA NGÀNH BỘT CÁ, MỠ CÁ. CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC, SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

## SỨ MẠNG

TRISEDCO LUÔN CUNG CẤP SẢN PHẨM LÀM TỪ PHỤ PHẨM CÁ TRÀ VỚI CHẤT LƯỢNG VÀ DỊCH VỤ CAO. NÂNG CAO TẦM GIÁ TRỊ CỦA CÁ TRÀ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI THÔNG QUA NHỮNG CẢI TIẾN LIÊN TỤC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CẢI THIỆN HIỆU QUẢ TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH..

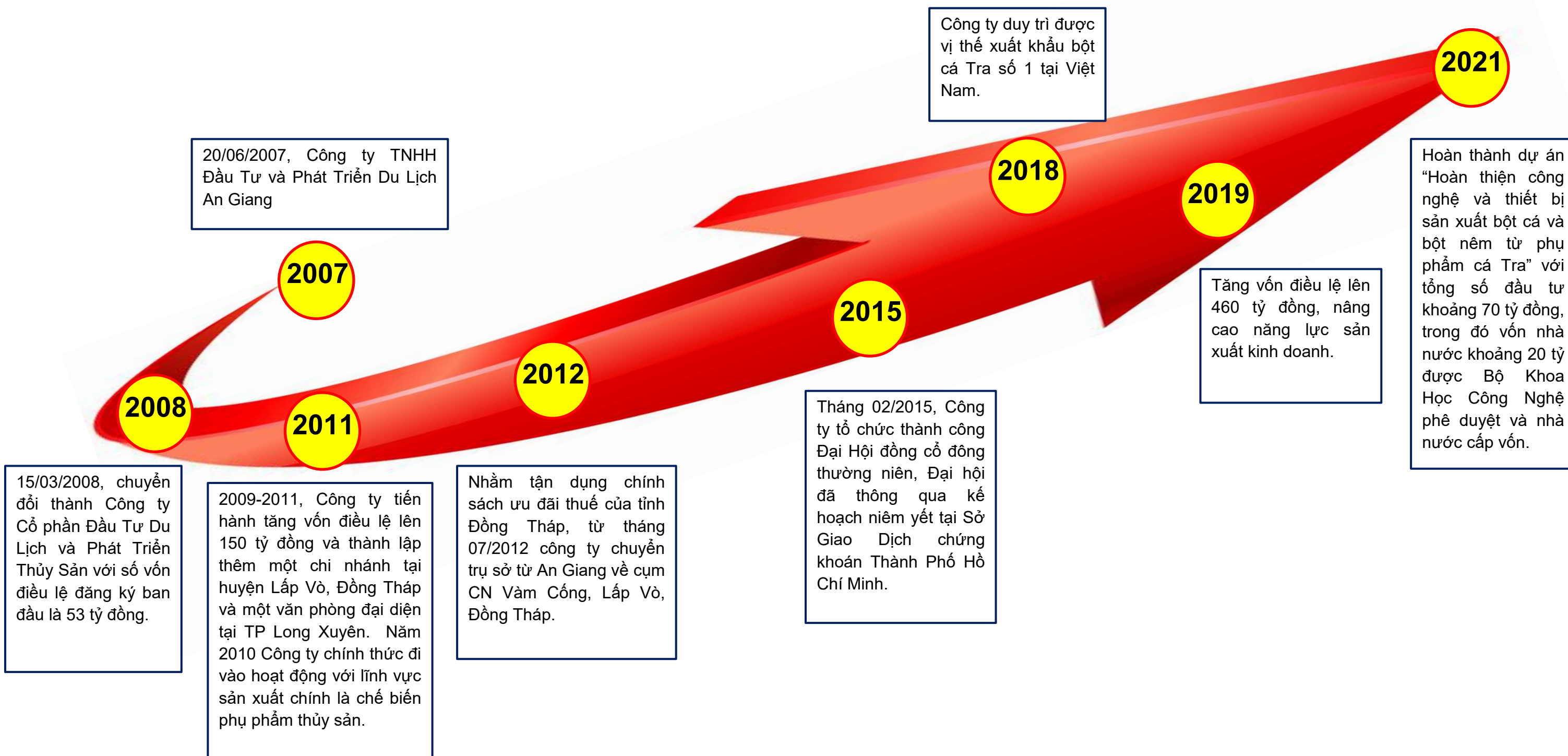


## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

-  **CAM KẾT:** CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ
-  **SÁNG TẠO:** KHÔNG NGỪNG KHÁC BIỆT ĐỂ PHÁT TRIỂN
-  **TRÁCH NHIỆM:** LẤY TRÁCH NHIỆM, HỢP TÁC, ĐÃI NGỘ LÀM PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG
-  **HỢP TÁC:** LẤY SỰ THÀNH CÔNG CÙNG ĐỐI TÁC LÀM MỤC TIÊU LÂU DÀI
-  **ĐẠO ĐỨC:** LẤY UY TÍN, ĐẠO ĐỨC KINH DOANH LÀM NIỀM TỰ HÀO CỦA CÔNG TY
-  **CHIA SẺ:** LẤY LỢI ÍCH XÃ HỘI LÀM KHỞI SỰ CHO MỌI HOẠT ĐỘNG



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### BỘT CÁ



Bột cá tra cung cấp dinh dưỡng cho động vật như nguồn đạm tối ưu, Trước hết đó là nguồn đạm quý. Chất đạm của cá có đủ các axit amin cần thiết trong đó có lysine, tyrosin, tryptophan, systin, methionin cao hơn thịt. Đặc biệt chất đạm trong cá tươi dễ tiêu hóa, dễ hấp thu hơn so với thịt, năng lượng, chất khoáng, vitamin... Dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản...

### MỠ CÁ



Mỡ cá tra – basa dùng được dùng để sản xuất thức ăn gia súc, dầu biodiesel và dầu ăn giàu dinh dưỡng cho người. Giá trị dinh dưỡng của mỡ cá Tra như: giàu protein là thành phần để sản xuất thức ăn chăn nuôi; chứa nhiều các axit béo no SFA, các axit béo không no MUFA, PUFA, Omega 3 EPA, DHA và các vitamin, Những dưỡng chất này rất quan trọng và vô cùng hữu ích để giảm Cholesterol trong máu, tốt cho tim mạch, phòng chống các bệnh mãn tính không lây và đặc biệt là tăng cường chỉ số IQ cho người già và trẻ nhỏ.

### SẢN PHẨM PHỤ



Quá trình chế biến từ cá tra nguyên liệu tươi sống thành sản phẩm xuất khẩu, ngoài thành phẩm thu được còn có một lượng lớn phụ phẩm giá trị gia tăng chiếm khoảng 67% khối lượng nguyên liệu đầu vào. Lượng phụ phẩm này thông thường bao gồm: mỡ cá, bụng cá, bong bóng cá, bao tử cá...rất có giá trị dinh dưỡng cao trong những món ăn hàng ngày.

### CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.586</b>	<b>2.493</b>	<b>2.160</b>	<b>2.260</b>
Bột cá	1.157	1.783	1.456	1.276
Mỡ cá	329	514	588	881
Dầu cá	-	8	0	0
Sản phẩm phụ	44	62	52	56
Khác	56	126	64	47
<b>TỶ TRỌNG</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Bột cá	72,95%	71,52%	67,41%	56,45%
Mỡ cá	20,74%	20,62%	27,22%	38,99%
Dầu cá	0,00%	0,32%	0%	0%
Sản phẩm phụ	2,77%	2,49%	2,41%	2,47%
Khác	3,53%	5,05%	2,96%	2,09%

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Doanh mục sản phẩm của Trisedco tập trung vào 3 sản phẩm chính là bột cá, mỡ cá và sản phẩm phụ. Trong đó, chủ yếu là bột cá chiếm 56,45% doanh thu thuần, mỡ cá chiếm 38,99%. Bên cạnh đó, sản phẩm chiếm tỷ trọng ít là sản phẩm phụ và doanh thu khác chiếm lần lượt là 2,47% và 2,09%. Qua đó, ta thấy được bột cá à sản phẩm chủ lực và quan trọng nhất mang lại nguồn doanh thu chủ yếu cho Trisedco. Trong năm 2021, do ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế nói chung Trisedco đã cố gắng đạt theo kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã đề ra.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.586</b>	<b>2.493</b>	<b>2.160</b>	<b>2.260</b>
Sản xuất	350	572	369	350
Thương mại	1.236	1.921	1.791	1.910
<b>TỶ TRỌNG</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Sản xuất	22,07%	22,94%	17,08%	15,48%
Thương mại	77,93%	77,06%	82,92%	84,52%

Mức tăng trưởng doanh thu năm 2021 đạt 2.260 tỷ đồng tăng 4,63% so với năm 2020. Trong năm 2021, tình hình kinh tế vẫn còn có rất nhiều khó khăn do tiếp tục chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid – 19 xảy ra ở toàn cầu và riêng ở Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn ở Quý III/2021, hầu hết các doanh nghiệp phải giảm quy mô sản xuất. Và Trisedco cũng không ngoại lệ, Công ty đã phải đưa ra nhiều biện pháp để khắc phục những khó khăn gặp phải, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Trong năm qua, Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thương mại bột cá nhằm ổn định doanh số chiếm lĩnh thị trường trong nước. Năm 2021, thị trường xuất khẩu của Công ty bị thu hẹp do thị trường kiểm soát dịch bệnh rất chặt chẽ, thời gian kiểm tra kéo dài dẫn đến các chi phí tăng cao, thời

hạn giao hàng bị ảnh hưởng, trong khi thị trường Trung Quốc là thị trường nhập khẩu bột cá lớn nhất thế giới, là một thị trường năng động và là nơi luôn đòi hỏi khả năng đáp ứng hàng hóa nhanh. Bên cạnh đó, các chi phí Logistics khác lớn ảnh hưởng đến quyết định xuất khẩu của Công ty.

Do đó những chiến lược phát triển thương mại bột cá nội địa trong giai đoạn trên là một hướng đi đúng đắn và phù hợp với tình hình hiện nay. Song với đó, Trisedco đã và đang cố gắng khai thác lại các thị trường xuất khẩu phù hợp với tình hình để đa dạng hóa nơi tiêu thụ. Để thực hiện được những kế hoạch này, Trisedco cần phải đưa ra những biện pháp khoa học và hiệu quả để cân bằng được những chi phí phát sinh liên quan.



*Nhà kho bột cá của Công ty Trisedco*

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hiện tại nhà máy sản xuất được cơ cấu nhằm tối ưu công suất, năng suất, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Trisedco.

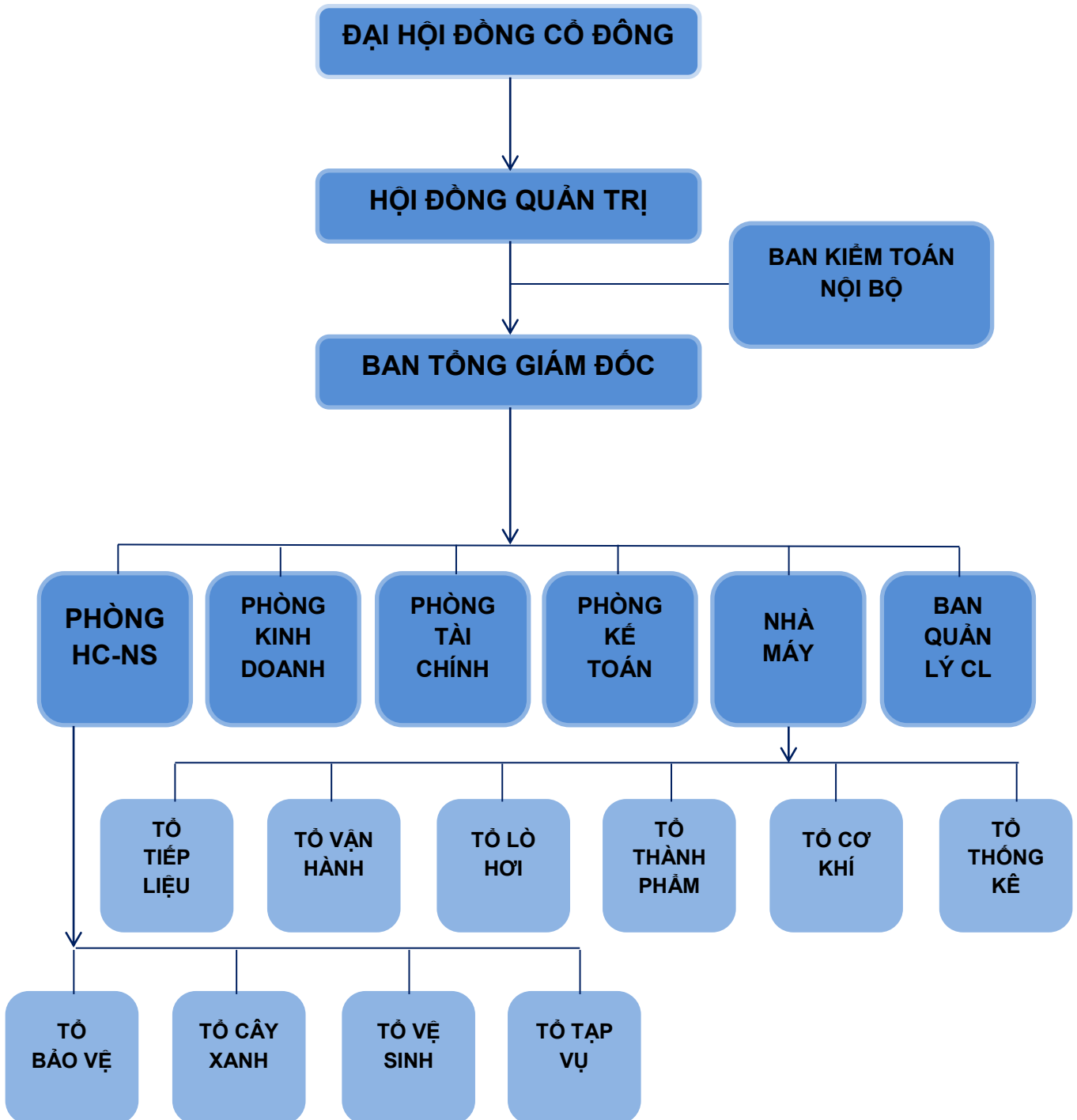
Về thị trường trong nước: Trisedco là nhà cung cấp nguyên liệu thức ăn gia súc hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh những đối tác chiến lược như: Sao Xanh, Anco, Trường Ân, Trisedco hiện đang mở rộng thị trường nội địa để tìm kiếm một số đối tác mới chiến lược.

Về thị trường thế giới: Trung Quốc vẫn đang là thị trường xuất khẩu bột cá chủ yếu của Trisedco. Một số khách hàng lớn của Trisedco ở Trung Quốc như: Fuzhou, China National, Guangdong. Trisedco đã và đang thực hiện chính sách phân tán rủi ro “không để trứng vào một giỏ” nên trong năm qua Trisedco cũng tích cực tìm kiếm và xây dựng thị trường sang Nhật Bản, Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc,...

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>XUẤT KHẨU</b>	<b>706,8</b>	<b>511,6</b>	<b>165,7</b>	<b>210,07</b>
Trung Quốc	502,1	488,6	137,5	169,0
Nhật Bản	131,2	20,4	15,7	17,4
Khác	73,5	2,6	12,5	23,7
<b>NỘI ĐỊA</b>	<b>880,0</b>	<b>1.981,7</b>	<b>1.994,1</b>	<b>2.049,9</b>
<b>TỔNG</b>	<b>1.586,8</b>	<b>2.493,3</b>	<b>2.159,8</b>	<b>2.259,97</b>

## SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan:



## CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

<b>CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT</b>	
<b>Tên công ty</b>	<b>Công ty Cổ phần Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính – ASTAR</b>
Địa chỉ	326, Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
Vốn Trisedco góp	6.418.973.891 đồng
Tỷ lệ sở hữu	5,4%
Ngành nghề kinh doanh	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

<b>CÔNG TY NÁM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN CỦA TRISEDCO</b>	
<b>Tên công ty</b>	<b>Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I</b>
Địa chỉ	QL 80, CCN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
Vốn IDI góp	364.575.640.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	79,25%
Ngành nghề kinh doanh	Nuôi trồng, chế biến cá Tra fillet đông lạnh xuất khẩu.




**Cụm Công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp**

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p><b>Ông Lê Văn Chung</b></p> <p>Ông sinh năm 1964, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1984 – 1987, ông làm việc tại Xí nghiệp Liên Hiệp Đường Sắt Huế.</li> <li>- 1987 – 1991, Làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức</li> <li>- 1991 – 1994, Ông về Việt Nam công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc AG.</li> <li>- 1994 – 1997, Đội trưởng xây dựng Công ty Xây Dựng Miền Tây.</li> <li>- 1997 – nay, tham gia thành lập và điều hành Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> </ul>
<p><b>Chủ tịch HĐQT</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn đang giữ chức vụ khác như: thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Đầu Tư &amp; Phát Triển Đa Quốc Gia IDI, PTGD Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 145.503 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,32% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Ông Nguyễn Văn Hưng</b></p> <p>Ông sinh năm 1954, tại Hồng Ngự, Đồng Tháp.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1975, công tác tại Phòng Chính Trị tỉnh đội An Giang.</li> <li>- 1989, Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang.</li> <li>- 1995, thanh tra Sở Thương Mại Du Lịch tỉnh An Giang.</li> <li>- 1997, Thành lập và điều hành CTCP Đầu Tư và XD Sao Mai tỉnh An Giang.</li> <li>- 2003, Phó Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần ĐT &amp; PT Đa Quốc Gia IDI.</li> </ul>
<p><b>Phó Chủ tịch HĐQT</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD Tập Đoàn Sao Mai. Ông đang nắm giữ 60.978 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,13% vốn điều lệ.</p>
	<p><b>Ông Lê Thanh Thuấn</b></p> <p>Ông sinh năm 1958, Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1977 – 1979, công tác tại Sở Xây Dựng tỉnh An Giang.</li> <li>- 1979 – 1980, Cán bộ tại Sở Quản Lý Nhà Đất tỉnh An Giang.</li> <li>- 1982 – 1986, Chánh Văn Phòng Ủy Ban Xây Dựng cơ bản Nhà nước AG.</li> <li>- 1986 – 1992, Giám đốc Công ty Liên Doanh Kiến Trúc An Giang.</li> <li>- 1992 – 1995, Giám đốc xí nghiệp Xây Dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai</li> <li>- 1997 – nay, Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sao Mai.</li> </ul>
<p><b>Thành viên HĐQT</b></p>	<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT Trisedco. Ngoài ra, ông còn là thành viên HĐQT kiêm TGD Tập Đoàn Sao Mai, Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu Tư &amp; Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. Ông đang nắm giữ 1.811.250 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 3,94% vốn điều lệ.</p>

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	<p><b>Ông: Trần Hiếu</b></p> <p>Ông sinh năm 1953, Hải Hưng, Hưng Yên</p> <p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1972 – 1977, đi bộ đội tham gia chiến đấu tại chiến trường Quân Khu 6 (Bình Thuận – Lâm Đồng – Ninh Thuận);</li> <li>- Tháng 03/1975, kết nạp Đảng;</li> <li>- Tháng 06/1977, chuyển ngành về làm nhân viên văn phòng Kế hoạch Ty Xây Dựng An Giang;</li> <li>- Tháng 10/1979, được bổ nhiệm về làm trưởng phòng Kế hoạch Công ty Vật Liệu Xây Dựng – An Giang;</li> <li>- Tháng 08/1989, Trưởng phòng Tổ chức – Công ty Công trình Đô Thị An Giang;</li> <li>- Tháng 12/1993 – 11/1999, tự kinh doanh vật liệu xây dựng ;</li> <li>- Tháng 12/1999 – 2005, trưởng phòng tổ chức Công ty Nam Việt An Giang</li> <li>- 06/2020, ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.</li> </ul>
<p><b>Thành viên HĐQT độc lập</b></p>	
<p>Hiện nay, Ông đang nắm 0 cổ phần của Công ty Trisedco.</p>	
	<p><b>Bà: Hoàng Thị Thanh</b></p> <p>Bà sinh năm 1963, tại Thanh Hóa</p> <p>Bà được bầu là thành viên HĐQT độc lập vào tháng 06/2020.</p> <p>Trước đây bà Thanh kinh doanh tự do.</p>
<p><b>Thành viên HĐQT độc lập</b></p>	
<p>Hiện nay, Bà đang nắm 0 cổ phần của Công ty Trisedco.</p>	

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

	<p><b>Ông Lê Văn Lâm</b>          Ông sinh năm 1973, tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2003 – 2006 Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai.</li> <li>- Từ năm 2006 – 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án CCN Vàm Cống – IDI</li> <li>- Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco.</li> <li>- Tháng 10/2011, Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Sao Mai.</li> <li>- Tháng 07/2018, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản.</li> </ul>
<b>Tổng Giám Đốc</b>	
<p>Hiện nay, ông giữ chức vụ TGD Công ty Trisedco. Ngoài ra, ông là PTGD Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai. Ông nắm giữ 603 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	
	<p><b>Ông Lê Hoàng Cường</b>          Ông Sinh năm 1985, tại Thạnh Đông A, Tân Hiệp, Kiên Giang.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2008, Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.</li> <li>- 2009 – 2013: Kế toán Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai</li> <li>- 2013: Trưởng BKS CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI, công tác tại Phòng Tài chính Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản</li> <li>- 2013 – 8/2016: Giám đốc tài chính Trisedco</li> <li>- 8/2016 – 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á</li> <li>- 01/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco</li> </ul>
<b>Phó Tổng Giám Đốc</b>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ PTGD Công ty Trisedco. Ông đang nắm giữ 603 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.</p>	
	<p><b>Ông Lê Quốc Mạnh</b>          Ông sinh năm 1993, tại Long Xuyên, An Giang.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2013 – 2016, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI</li> <li>- Từ 2015 – 2017, Phó Giám đốc xí nghiệp thức ăn thủy sản thuộc Tập đoàn Sao Mai An Giang</li> <li>- 2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco</li> </ul>
<b>Phó Tổng Giám Đốc</b>	
<p>Hiện nay, Ông giữ chức vụ PTGD Công ty Trisedco. Ông đang nắm giữ 0 cổ phần của Công ty Trisedco, chiếm 0% vốn điều lệ.</p>	



## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



### **Ông Nguyễn Gia Thuần**

Ông Sinh năm 1978, tại Thạnh Thắng, Thốt Nốt, Cần Thơ

#### **Quá trình công tác:**

- Năm 2002, là Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2008 – 11/2009 ông được bổ nhiệm làm Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI
- Từ tháng 11/2009 đến nay, giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty Trisedco.

**Kế Toán Trưởng**

Hiện nay, ông giữ chức Kế Toán Trưởng Trisedco. Ông đang nắm giữ 483 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.



### **Ông Lê Thanh Dũng**

Ông Sinh năm 1990, tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa

#### **Quá trình công tác:**

- 02/2012 - 06/2015 là phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản;
- 07/2015 – 06/2016, Giám đốc Kinh doanh Khu Vực Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á;
- 07/2016 – 06/2020, Ông được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á;
- 07/2020 – 04/2021, giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại Công ty TNHH Sao Mai Superfeed;
- 05/2021 – nay, giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản

**Giám Đốc Tài Chính**

Hiện nay, ông giữ chức Giám đốc tài chính Công ty Trisedco. Ông đang nắm giữ 483 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.

## GIỚI THIỆU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

	<p><b>Bà Trần Thụy Thanh Thảo</b>          Bà Sinh năm 1989, tại Sóc Trăng.          Quá trình công tác:          - Từ năm 2003 – nay, kế toán tại CTCP Tập Đoàn Sao Mai          - Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ.</p>
<p><b>Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ</b></p>	
<p>Hiện nay, bà đang nắm giữ 180 cổ phần của Công ty Trisedco.</p>	
	<p><b>Ông Trần Bảo Đông</b>          Ông Sinh năm 1983, tại Long Xuyên, An Giang          Quá trình công tác:          - Từ năm 2007 – nay, kế toán viên tại CTCP Tập Đoàn Sao Mai, Kế toán trưởng Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.          - Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ.</p>
<p><b>Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ</b></p>	
<p>Hiện nay, ông đang nắm giữ 180 cổ phần Công ty Trisedco.</p>	
	<p><b>Ông Phạm Minh Hoàng</b>          Ông Sinh năm 1990, tại Thới Thuận, Thốt Nốt          Quá trình công tác:          - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á.          - Tháng 06/2020, được bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ.</p>
<p><b>Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ</b></p>	
<p>Hiện nay, ông đang nắm giữ 0 cổ phần Công ty Trisedco.</p>	

## PHÂN TÍCH SWOT



- **Tầm nhìn và chiến lược phát triển rõ ràng**, với khát vọng trở thành doanh nghiệp dẫn đầu về sản xuất bột cá mỡ cá đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường nội địa và xuất khẩu.
- **Sở hữu nguồn lực hỗ trợ mạnh**, nguồn lực tài chính, kinh doanh hiệu quả với sự hỗ trợ từ Tập đoàn Sao Mai. Trisedco có thực hiện một số dự án đầu tư hiện đại, thu hút nhiều nhân lực giỏi, đầu tư R&D và huy động vốn.
- **Đội ngũ nhân sự chủ chốt điều hành hoạt động**, gồm những người lâu năm gắn bó, có kinh nghiệm, quản lý giỏi. Đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, từng tham gia hội thảo, hội chợ thương mại lớn ở một số khu vực. Lực lượng nhân sự quý báu là nguồn động lực lớn lao để đưa cả công ty phát triển, với tinh thần luôn luôn đổi mới và sáng tạo.
- **Đối tác đồng hành**, mạng lưới khách hàng thân thiết, quan hệ các đối tác trung thành uy tín qua nhiều giai đoạn từ đó chủ động tạo được doanh thu cao từ sản phẩm tự sản xuất và sản phẩm thương mại.
- **Hệ thống quản trị** được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị được áp dụng. Tôn chỉ quản trị nhất quán là tạo lập cơ chế thuận lợi để các cá nhân hoàn toàn chủ động, sáng tạo để phát huy tối đa tiềm năng.
- **Nguồn nguyên liệu dồi dào**, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào do các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai, Tập đoàn có quy trình khép kín từ con giống đến vùng nuôi cá, cá fillet xuất khẩu.
- **Cơ sở hạ tầng sản xuất** hiện đại nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế cùng với sự phát triển nhanh chóng của thị trường.
- **Công tác đầu tư** còn chậm so với tiến độ, đặc biệt là các dự án lớn còn phải được phê duyệt từ nhiều cấp.
- **Công nghệ sản xuất** có được ứng dụng là chiến lược lớn nhưng chưa khai thác tối đa hiệu quả của các chiến lược mang lại. Chưa có nhiều ứng dụng mang tính đột phá cao.
- **Sự cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm** vẫn chưa chiếm ưu thế so với chất lượng bột cá biển rõ nhất về độ đậm từ các quốc gia khác như Peru, Chile,...Do đó, để cạnh tranh với bột cá biển thì bột cá Tra Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn.
- **Thị trường xuất khẩu** hiện nay chiếm tỷ trọng lớn chủ yếu ở thị trường Trung Quốc, phụ thuộc khá lớn vào thị trường này. Do đó, cần phải đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để phân tán sự rủi ro ở mức thấp nhất.
- **Kế hoạch Marketing và bán hàng** có được nâng cấp và cải thiện qua từng năm nhưng chưa đạt hiệu quả cao nên việc chủ động tìm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ vẫn còn có nhiều khó khăn nhất định.
- **Việc tuyển dụng nhân lực còn chưa đáp ứng kịp nhu cầu** đang gia tăng nhanh chóng của Trisedco, số lượng nhân sự tuyển dụng chưa đủ và kịp thời nguồn lao động trực tiếp.



- **Tình hình xuất khẩu được kỳ vọng tiếp tục xu hướng tích cực** khi đại dịch Covid – 19 dần được kiểm soát trên toàn cầu. Nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc, khả năng kiểm soát đại dịch, ổn định sản xuất là lợi thế cho Việt Nam sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thế giới.

- Là thành viên của **Tập đoàn Sao Mai**, Trisedco có cơ hội phát triển R&D từ các mối quan hệ hợp tác, liên doanh liên kết, nhận chuyển giao công nghệ, mua các đề tài khoa học, nghiên cứu,....

- **Chính sách nhà nước, các Hiệp định thương mại song phương mở ra** cho công ty nhiều ưu đãi và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nhận được sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước, hỗ trợ cho những chương trình nghiên cứu phát triển, xúc tiến thương mại tiếp thị và quan hệ công chúng tạo nên hình ảnh tốt cho ngành bột cá trong tương lai.

- **Dung lượng thị trường ngày càng mở rộng**, nhu cầu bột cá ở thị trường Trung Quốc có thể nói là không có giới hạn. Bên cạnh đó còn có những thị trường có nhiều hứa hẹn khác như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...

- **Công nghệ mới tiếp cận** do nền kinh tế hội nhập, nhiều nhà sản xuất thiết bị, dây chuyền sản xuất tiếp cận được thị trường Việt Nam tạo điều kiện cho nguồn lực Trisedco tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới hiện đại hơn.

- Chưa kiểm soát được chi phí, do giá nguyên vật liệu và chi phí sản xuất ngày càng tăng.

- **Lực lượng lao động trực tiếp bị cạnh tranh** với nhiều ngành khác nhau.

- **Các rào cản về thương mại và kỹ thuật** của các nước nhập khẩu.

- **Khó khăn trong việc kiểm soát và hạn chế nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng** do việc mở rộng kinh doanh thương mại sẽ tăng khả năng đáp ứng hàng hóa nhưng hạn chế trong việc kiểm soát hàng hóa.

- **Sự bảo hộ hàng nội địa của các nước nhập khẩu cao**, yêu cầu về chất lượng sản phẩm xuất khẩu ngày càng khó khăn.

- **Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt** với các sản phẩm thay thế của các nước khác.

- **Các vấn đề liên quan đến môi trường và khí hậu** ảnh hưởng đến chất lượng và số lượng cá Tra, dẫn đến nhiều thách thức ở nguồn nguyên liệu đầu vào của Trisedco.

- **Ảnh hưởng của Trisedco đến giá thị trường lớn**, do Trisedco là công ty xuất khẩu bột cá Tra hàng đầu, tạo được vị thế dẫn đầu thị trường, nên việc thu mua được nguồn hàng chất lượng cao với giá rẻ gặp rất nhiều khó khăn.

- **Thị trường Trung Quốc khá tinh khôn và đoàn kết** trong việc điều tiết bột cá nhập khẩu nên lợi nhuận biên của hàng hóa này ít và tăng rất chậm.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trong hoạch định cho năm 2022, Ban lãnh đạo Trisedco đánh giá môi trường kinh tế - xã hội nói chung và ngành thủy sản nói riêng sẽ có nhiều diễn biến rất khó đoán. Covid – 19 có thể sẽ được kiểm soát tốt hơn trong thời gian tới, song những dư âm từ đại dịch vẫn còn tác động sâu sắc. Mặc dù vậy, so với tình hình chung của toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam có cơ sở để phục hồi nhanh hơn.

Tình hình đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có nội lực rất vững vàng, bám sát nhu cầu thị trường, hành động chắc chắn và đạt hiệu quả.

Trisedco đã chuẩn bị nguồn lực chu đáo để đảm bảo việc triển khai hoạt động kinh doanh diễn ra thông suốt như kế hoạch. Xét về khả năng thích ứng, Trisedco đã thực hiện rất tốt nhờ kinh nghiệm hoạt động phát triển kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty cũng có đề ra những kịch bản dự phòng để sẵn sàng đối phó với những biến động.

Tinh thần chung của Trisedco là sẵn sàng đương đầu và vượt qua những thử thách có thể xảy ra đến để đảm bảo thực hiện hiện thành công các kế hoạch và chỉ tiêu đã được đề ra.

- 1 Tiếp tục là doanh nghiệp đứng đầu của Việt Nam về sản xuất – chế biến bột cá – mỡ cá; phát huy thế mạnh sẵn có về chất lượng sản phẩm và các yếu tố khác;
- 2 Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu bột cá – mỡ cá ngày càng lớn mạnh
- 3 Xây dựng mạng lưới đối tác, khách hàng tại nhiều nước khác nhau
- 4 Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phù hợp để giúp Công ty gia tăng lợi thế của mình và đem lại lợi ích cho khách hàng; đối tác
- 5 Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu gắn bó với tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu;
- 6 Duy trì mức tăng trưởng doanh thu trên 10% và lợi nhuận trên 15%;
- 7 Nâng cao và duy trì sự ổn định tại thị trường Trung Quốc, tăng các thị phần ở các khối thị trường mới nổi bậc như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore,.... Phục hồi từng bước thị trường xuất khẩu mỡ cá.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN

- 1 Xây dựng thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị văn hóa doanh nghiệp đặc thù, đầu tư đổi mới công nghệ mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội;
- 2 Liên kết với các đơn vị thành viên khác trong Tập đoàn Sao Mai để tạo lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ;
- 3 Coi con người là yếu tố then chốt, hàng đầu hình thành đội ngũ CB-CNV có trình độ, kỹ luật nghiêm ngặt. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm uy tín, chất lượng và phổ biến.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

#### 1. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM



Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, duy trì hoạt động hiệu quả các dây chuyền sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động cao, quản lý và vận hành các dây chuyền sản xuất an toàn hiệu quả.

#### 2. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ



- Nghiên cứu thị trường, xem xét đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất bột cá.
- Đầu tư xây dựng kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, nâng cao năng lực quản lý chung và quản lý chuyên môn làm tiền đề cho việc khai thác hiệu quả nguồn lực.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư cho hoạt động quản lý, xây dựng hệ thống lương và phúc lợi theo định hướng chuyên nghiệp và hiện đại.

#### 3. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG



- Duy trì thị phần trong nước, mở rộng và đẩy mạnh thị phần bột cá và mỡ cá trong khu vực, tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những sản phẩm có chất lượng, giá cả cạnh tranh và hiệu quả.
- Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế khác để phát triển dịch vụ.
- Nghiên cứu pháp luật quốc tế, chính sách, tận dụng các chính sách ưu đãi (nếu có) khi tham gia/hợp tác cung cấp tại thị trường nước ngoài.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu cũng như dịch vụ liên quan của Công ty qua các hội nghị, hội chợ quốc tế.

#### 4. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ VỐN



- Thực hiện triệt để các giải pháp kiểm soát chi phí, tăng cường công tác quản trị tài chính, dòng tiền, kiểm soát ngân sách, tích cực thu hồi nợ để tăng hiệu quả hoạt động.
- Xem xét, sắp xếp nguồn vốn để khôi phục hoạt động đầu tư cho cơ sở vật chất, đảm bảo đội ngũ nhà máy hoạt động hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch vốn chi phí phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo huy động được mọi nguồn lực.

#### 5. AN TOÀN LAO ĐỘNG



- Duy trì thành tích an toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy sự tin tưởng hợp tác cũng như cơ hội tại các thị trường mới.
- Đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động các dây chuyền sản xuất bằng cách tối ưu hóa quy trình vận hành, thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu sản xuất.
- Tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực và nhận thức đối với an toàn lao động cho đội ngũ vận hành nhà máy.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 6. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGUỒN LỰC



- Đánh giá, sàng lọc và tập trung nguồn lực để đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực.
- Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc của người lao động thông qua chính sách đãi ngộ và các nhân lực giàu kinh nghiệm.

### 8. ĐÀO TẠO



- Tăng cường đào tạo nguồn lực nhà máy, góp phần vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề và chuyên sâu đội ngũ nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong cung cấp sản phẩm dịch vụ.

### 7. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ



Trích lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công tác đổi mới công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco.

### 9. AN TOÀN MÔI TRƯỜNG



- Tuân thủ các quy định về nhận diện các khía cạnh cạnh môi trường và đánh giá tác động môi trường theo quy định của quy trình hiện hành, đặc biệt là khi có thay đổi ảnh hưởng đến môi trường và định kỳ tái đánh giá hằng năm.
- Tổ chức đào tạo, hội thảo để nâng cao ý thức người lao động về công tác bảo vệ môi trường, tăng cường kiểm tra giám sát cả định kỳ và đột xuất.

Năm 2022, ở giai đoạn nhiều thử thách, Trisedco tiếp tục triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2022 – 2026.



## GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trisedco xác định những bên liên quan là những cá nhân tổ chức có ảnh hưởng hoặc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco. Ban lãnh đạo Trisedco quan điểm gắn kết mong muốn các bên liên quan trong các hoạt động của doanh nghiệp, kiến tạo giá trị tích cực và bền vững cho các bên. Chúng tôi lắng nghe ý kiến của các bên liên quan, xây dựng mối quan hệ dựa trên lòng tin, đạo đức và tính chính trực. Cơ hội và rủi ro được xác định dựa trên đối thoại thường xuyên với các bên liên quan. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh, năm 2021 các kênh đối thoại trực tuyến đã đóng vai trò quan trọng trong các công tác đối thoại của Công ty.

Công ty thiết lập cách thức đối thoại phù hợp với các bên liên quan. Chúng tôi đưa ra thảo luận các chủ đề xã hội, môi trường để đánh giá những vấn đề nào mà Trisedco cần chú trọng và giải quyết, đảm bảo rằng các vấn đề này được phản ánh trong chiến lược phát triển bền vững của Trisedco.





**GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Gắn kết bên liên quan	Mối quan tâm, chủ đề chính
<b>KHÁCH HÀNG</b>	Tương tác dịch vụ chăm sóc khách hàng, liên hệ qua các sự kiện, khảo sát ý kiến khách hàng, truyền thông, chuyến thăm,...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tiến độ giao hàng, chính sách tín dụng</li> <li>- Chăm sóc, hỗ trợ khách hàng</li> </ul>
<b>NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	Tương tác trực tiếp, mạng nội bộ, truyền thông nội bộ, chăm điểm tuân thủ nguyên tắc ứng xử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường làm việc, an toàn lao động trong dịch bệnh</li> <li>- Nghề nghiệp, cơ hội phát triển, đào tạo</li> <li>- Các chính sách lương, thưởng và chế độ làm việc</li> <li>- Hoạt động kinh doanh của Trisedco</li> </ul>
<b>NHÀ CUNG CẤP</b>	Hội nghị nhà cung cấp, gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, sự kiện, website	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng của dịch bệnh</li> <li>- Các chính sách lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu</li> <li>- Chiến lược kinh doanh, phát triển bền vững trung và dài hạn</li> </ul>
<b>CÓ ĐỒNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ</b>	Trực tiếp trao đổi với Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư, họp ĐHĐCĐ, báo cáo thường niên, họp trực tuyến.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco, công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19.</li> <li>- Chiến lược kinh doanh, phát triển bền vững, động lực tăng trưởng</li> </ul>
<b>CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG</b>	Trực tiếp, trao đổi xúc tiến đầu tư, chuyến thăm và làm việc tại nhà máy, trụ sở kinh doanh và chiến dịch bảo vệ môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng góp công tác an sinh xã hội, tháo gỡ khó khăn của địa phương trong dịch bệnh, thiên tai.</li> <li>- Bảo vệ môi trường</li> <li>- Công tác đào tạo, xây dựng nguồn lao động tại địa phương</li> </ul>

Hành động của Trisedco	Tác động
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo tiến độ, chất lượng dịch vụ sản phẩm cung cấp cho khách hàng</li> <li>- Hỗ trợ các chính sách về thanh toán đối với các khách hàng bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách hàng hài lòng về dịch vụ, sản phẩm cung cấp</li> <li>- Các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh được hỗ trợ, vượt qua khó khăn.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ứng quyết liệt, kịp thời với các diễn biến của dịch bệnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho toàn thể CB-CNV như làm việc tại nhà, tổ chức làm việc “4 tại chỗ”, phun khử trùng địa điểm làm việc, bố trí không gian, chia ca ăn trưa, tổ chức xét nghiệm Covid – 19 cho toàn thể CB-CNV.</li> <li>- Áp dụng chính sách hỗ trợ, ủng hộ các CB-CNV tại khu vực bị phong tỏa, gặp khó khăn.</li> <li>- Duy trì đảm bảo ổn định lực lượng nhân sự và các chính sách lương thưởng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có ca nhiễm nào được ghi nhận tại Trisedco.</li> <li>- Các CB-CNV gặp khó khăn tại các địa phương bị phong tỏa được hỗ trợ tối đa.</li> <li>- Lực lượng nhân sự ổn định, gắn bó, đồng lòng vượt qua những khó khăn của dịch bệnh, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường.</li> <li>- Các chính sách lương thưởng được đảm bảo ổn định đời sống cho CB-CNV</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì các đơn hàng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh</li> <li>- Đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán với nhà cung cấp</li> <li>- Cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, công tác phòng chống dịch bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhà cung cấp được thanh toán đầy đủ đúng hạn.</li> <li>- Quan hệ kinh doanh lâu dài được xây dựng dựa trên nguyên tắc tin tưởng, hợp tác cùng có lợi.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động cập nhật các thông tin tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển công tác phòng chống dịch bệnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, website, tuân thủ các quy định CBTT hiện hành</li> <li>- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.</li> <li>- Gặp gỡ, họp trực tuyến với các nhà đầu tư, cổ đông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyền lợi của cổ đông được tôn trọng, được tạo cơ hội để thực thi quyền.</li> <li>- Nhu cầu về thông tin của nhà đầu tư được đáp ứng, những thông tin trọng yếu được Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời để giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho CB-CNV, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, hạn chế tối đa tác động của dịch bệnh.</li> <li>- Duy trì vận hành hệ thống quản lý môi trường tại đơn vị sản xuất, tuân thủ các chỉ tiêu an toàn về rác thải, tiếng ồn tại các nhà máy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có biến động cao về nhân sự.</li> <li>- Không có sai phạm về môi trường.</li> </ul>

## TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2021 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2022

### TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2021

Năm 2020 - 2021, nền kinh tế thế giới đã trải qua thời kỳ tồi tệ nhất kể từ Đại khủng hoảng. Với hơn 292,9 triệu ca nhiễm và 5,4 triệu ca tử vong. Đại dịch Covid – 19 đã gây gián đoạn các chuỗi cung ứng làm phá sản giải thể hàng loạt cơ sở kinh doanh, gây tê liệt nhiều ngành nghề quan trọng có quy mô lớn như hàng không, du lịch,....

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp, nghiêm trọng dẫn tới kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhờ việc đẩy nhanh tiến trình bao phủ vaccine, việc linh hoạt điều chỉnh chiến lược chống dịch giúp cân bằng hơn giữa việc đảm bảo sức khỏe người dân và phục hồi; tăng trưởng kinh tế cả năm duy trì đà tăng trưởng dương và đang phục hồi nhanh, lạm phát ở mức thấp nhất trong 6 năm, xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục, thu hút đầu tư nước ngoài hồi phục...

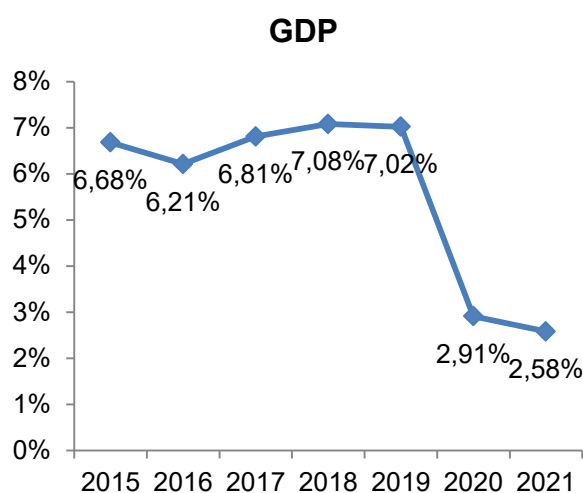
Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp; sức cầu tiêu dùng còn yếu; thu ngân sách thiếu bền vững; giải ngân đầu tư công không đạt mục tiêu cả năm; hoạt động doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn sản xuất vẫn còn; nợ xấu đang gia tăng. Điều này đòi hỏi cần có những chính sách, biện pháp trúng, đúng, kịp thời hơn nữa, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, nhằm phục hồi và phát triển kinh tế bền vững.

Trong bối cảnh dịch bệnh tác động nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn ghi nhận nhiều điểm sáng.

1. Dịch bệnh được kiểm soát, đẩy nhanh tiến trình tiêm vaccine; nhiều chính sách, gói hỗ trợ đã ban hành tạo điều kiện khôi phục hoạt động kinh tế xã hội.

2. Lạm phát được kiểm soát tốt, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua, chủ yếu do cầu còn yếu, vòng quay tiền chậm.

3. Tăng trưởng GDP hồi phục trong quý 4. Trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, tác động tiêu cực đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội. GDP quý 4/2021 tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, khôi phục so với quý 3/2021 là -6,02% và so với quý 4/2020 là 4,48%. Tính chung cho cả năm 2021, GDP chỉ tăng 2,58% là mức thấp nhất trong 10 năm qua, nhưng ở mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp.



4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có sự hồi phục trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới có nhiều biến động. Đến hết ngày 20/12/2021, vốn FDI đăng ký ước đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020.

5. Xuất – Nhập khẩu tăng mạnh. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 668,5 tỷ USD tăng 22,6%. Cán cân thương mại thặng dư 4 tỷ USD.

6. Tỷ giá ổn định, lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp.

7. Chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt nhiều bước tiến quan trọng.

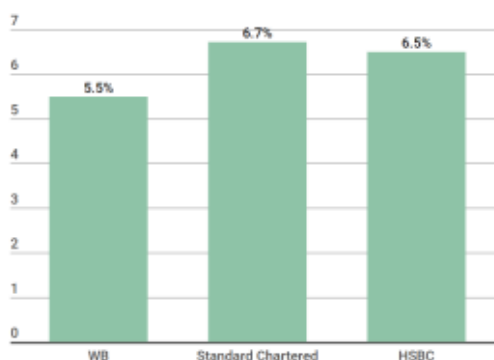
8. Hoạt động hội nhập quốc tế và đối ngoại đạt kết quả tích cực, chiến lược ngoại giao vaccine được triển khai mạnh mẽ, cho phép đẩy nhanh quá trình tiêm chủng và mở cửa nền kinh tế.

## TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2021 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2022

### TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2022

Trong bối cảnh thế giới dự báo có nhiều biến động, đặc biệt là diễn biến dịch Covid – 19 còn phức tạp, khó lường, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 dự báo khoảng 4 – 4,7%, lạm phát toàn cầu khoảng 3,3%. Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2022 như sau:

1. Về tăng trưởng GDP năm 2022, tăng trưởng ở mức 6-7%.



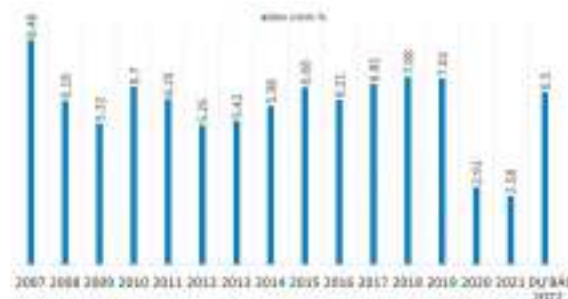
Các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2022. Đơn vị: %

2. Về lạm phát năm 2022, dự báo CPI bình quân sẽ tăng khá cao, lên ở mức 3,5% - 3,8%. Chủ yếu là do: (1) giá cả, lạm phát toàn cầu vẫn còn diễn ra, kéo theo lạm phát chi phí đẩy; (2) lạm phát do cầu kéo; (3) độ trễ cũng như thực thi chính sách tài khóa, tiền tệ có phần mở rộng, thích ứng.

3. Về lãi suất năm 2022, dự kiến Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế xã hội.

4. Về tỷ giá năm 2022, tỷ giá dự kiến tăng ở mức 0,5-1% so với cuối năm trước do: (1) hoạt động kinh tế phục hồi khiến nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ bằng đồng USD tăng lên; (2) Fed thực hiện thu hẹp nói lỏng định lượng, tăng lãi suất, khiến cho giá trị đồng USD duy trì ở mức cao; (3) dự trữ ngoại hối duy trì ở mức cao giúp giá trị VND ổn định; (4) cán cân thương mại dự báo tiếp tục thặng dư; (5) kiều hối tiếp tục tăng so với năm 2021, hỗ trợ tỷ giá ổn định.

Qua những phân tích và dự báo như trên, để đạt được mục tiêu phục hồi, tăng trưởng kinh tế ở mức 6-6,5% như Quốc hội giao hay có thể cao hơn (6,5-7% như chúng tôi dự báo ở kịch bản tích cực), chúng tôi có 6 kiến nghị như sau:



1. Chính phủ nhất quán quan điểm chỉ đạo là quyết tâm thực hiện “đa mục tiêu”, gồm vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, đảm bảo năng lực y tế, an sinh xã hội, năng lực chống chịu các cú sốc bên ngoài và tâm thế phục hồi, tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức trong và sau đại dịch.

2. Cần sớm ban hành và thực hiện tốt Chương trình phòng, chống dịch với phương châm nhất quán là “sống chung an toàn với Covid”, trong đó cần quan tâm, có đề án, kế hoạch tổng thể về nâng cao năng lực y tế.

3. Đẩy nhanh, quyết liệt cải cách, hoàn thiện thể chế; cải thiện thực chất hơn nữa môi trường đầu tư - kinh doanh; kiên quyết tháo gỡ rào cản, vướng mắc sớm nhất có thể.

4. Nâng cao hiệu quả phối hợp chính sách, nhất là chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm: (1) thực hiện tốt Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; (2) kiểm soát rủi ro phát sinh, rủi ro lạm phát, rủi ro tài khóa; (3) tạo điều kiện tăng vốn cho các tổ chức tín dụng và đề xuất phương án luật hóa xử lý nợ xấu phù hợp.

5. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế nhằm có thể huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn.

6. Hết sức chú trọng tạo điều kiện phục hồi, phát triển doanh nghiệp.

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CÁ TRA NĂM 2021

*Trisedco là nhà máy chế biến bột, mỡ từ nguyên liệu phụ phẩm cá Tra fillet, do đó tình hình sản xuất kinh doanh của Trisedco chịu tác động trực tiếp bởi tình hình nuôi trồng và sản xuất của các nhà máy cá Tra fillet.*

### Tình hình sản xuất cá Tra

Theo Báo cáo của Tổng cục Thủy Sản (Bộ NN&PTNT) cho biết, Sản lượng nuôi trồng thủy sản cả năm 2021 ước đạt 4,75 triệu tấn, tăng khoảng 4,17% so với năm 2020. Trong đó, sản lượng cá tra đạt khoảng 1,5 triệu tấn, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2020.

Cá tra là ngành hàng chủ lực, là sản phẩm đặc hữu của vùng ĐBSCL, có vai trò quan trọng đối với kinh tế xã hội của toàn vùng. Dựa trên những kết quả đạt được trong năm 2021, ngành hàng cá tra vẫn đặt mục tiêu tham vọng cho năm sau. Cụ thể: Diện tích thả nuôi phát sinh trong năm đạt trên 5.700ha; sản lượng cá tra thương phẩm đạt trên 1,5 triệu tấn;

### Giá cá Tra giống

Giá cá Tra giống tăng giá và tăng khá nhanh do thiếu nguồn cung. Cá tra giống loại 30-35 con/kg có giá phổ biến từ 25.000 – 30.000 đồng/kg. Hiện cả nước có 96 cơ sở sản xuất giống cá tra; trong đó, có 80 cơ sở đang hoạt động và 2.289 cơ sở ương dưỡng giống cá tra. Sản lượng ước đạt khoảng 25 tỷ con cá tra bột và 3,1 tỷ con cá tra giống, bằng 62% so với năm 2020.

### Giá cá Tra nguyên liệu

Hiện nay cá tra nguyên liệu có giá dao động từ 23.000 - 23.500 đồng/kg (kích cỡ cá từ 900g - 1,2kg).

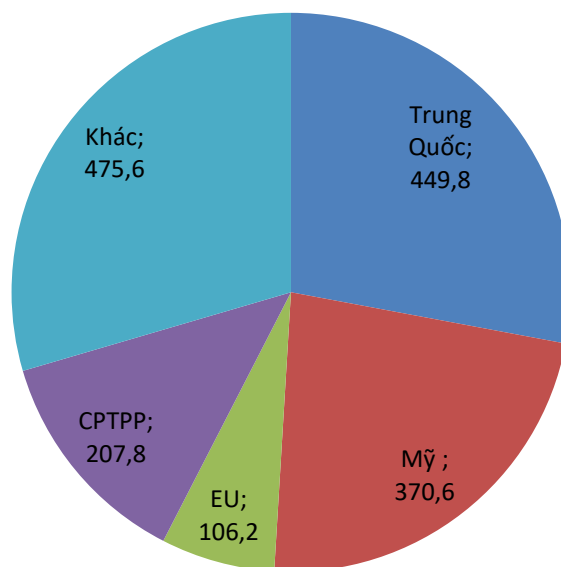
### Giá cá Tra xuất khẩu

Giá cá tra xuất khẩu tăng khoảng 6-7% kể từ cuối tháng 02/2021. Giá fillet tại Mỹ đã tăng đến 3,74 USD/kg – 3,87 USD/kg. Tuy nhiên đến quý II, III dịch Covid tiếp tục ảnh hưởng mạnh đến các nước Châu Á, nhiều quốc gia phải đóng cửa làm tình hình xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Hàng hóa trong nước lưu thông khó khăn làm giá xuất khẩu cá fillet giảm mạnh. Còn 1,94 USD/kg – 2,11 USD/kg. Đến cuối năm 2021, tình hình đã được kiểm soát, nên giá cá Tra xuất khẩu cũng tăng theo

### Tình hình xuất khẩu cá Tra

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), năm 2021 giá trị xuất khẩu của cả năm vẫn đạt 1,61 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm trước. Giá trị xuất khẩu tại một số thị trường lớn như: Trung Quốc – Hồng Kông đạt 449,8 triệu USD, chiếm 27,8% tổng ngành, giảm 12,6% so với năm 2020; Mỹ đạt 370,6 triệu USD gấp 2 lần so với năm 2020; EU đạt 106,2 triệu USD giảm 17% so với cùng kỳ; các nước thuộc hiệp định CPTPP đạt 207,8 triệu USD tăng 0,6% so với năm 2020.

### GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CÁ TRA NĂM 2021



### Giá phụ phẩm cá Tra, bột, mỡ cá Tra

Giá phụ phẩm cá Tra cũng có xu hướng biến động cùng chiều theo giá nguyên liệu cá Tra. Do nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau dẫn đến lượng cung ứng phụ phẩm đến các nhà máy sản xuất bột cá khan hiếm, nên giá phụ phẩm có rất nhiều biến động.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÁ TRA NĂM 2022

### Dự báo phát triển ngành cá Tra năm 2021

Nếu như năm 2020 ngành cá tra “mắc cạn” vì lệnh phong tỏa tại các thị trường xuất khẩu chủ lực thì năm 2021, từ quý III, tác động của đại dịch Covid-19 tại Việt Nam đã khiến cả ngành sản xuất, xuất khẩu cá tra khó khăn trăm bề. Bức tranh thị trường xuất khẩu cá tra được nhận định đang sáng dần lên, và hy vọng sẽ giúp ngành cá tra khởi sắc hơn trong năm 2022 với sự nỗ lực thích ứng của doanh nghiệp dưới cơ chế quyết sách hỗ trợ và linh hoạt của Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước. Với sự lạc quan đó, năm 2022, kỳ vọng các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam sẽ mang về kim ngạch 1,7 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2021.

### Những thách thức đối với cá Tra năm 2022

1. Việc phát triển cá tra đòi hỏi linh hoạt để đối phó với ảnh hưởng của dịch Covid-19, duy trì sản xuất; tập trung nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu khắt khe của thị trường.
2. Áp lực từ việc tăng giá cước tàu thời gian qua và chưa có dấu hiệu giảm nhiệt đang tạo áp lực rất lớn cho việc xuất khẩu.
3. Áp lực từ việc tăng giá nguyên liệu và vật tư đầu vào, giá thức ăn thủy sản tăng liên tục khiến giá thành sản xuất tăng.
4. Thiếu lao động, nhân công tăng cao.
5. Xu hướng thị trường sẽ vẫn tiếp tục bị tác động do những yếu tố đã được phát hiện trong năm 2021 như chính sách Zero Covid khiến các địa phương ngày càng siết chặt việc kiểm soát hàng nhập khẩu cả biên mậu lẫn chính ngạch.
6. Theo tờ Phnom Penh Post, Chính phủ Trung Quốc sắp mở cửa cho cá tra xuất khẩu của Campuchia. Các sản phẩm cá tra của Campuchia được cho là gần với loài cá tra nuôi phổ biến tại Việt Nam.

### Một số giải pháp phát triển bền vững của ngành

Để tập trung phát huy những giá trị tích lũy trong hơn 20 năm phát triển, xây dựng ngành cá Tra, Bộ NN&PTNT đã đưa ra 06 giải pháp:

Một là, các tỉnh cần có cơ chế chính sách phù hợp để phát triển các vùng nuôi liên kết với cơ sở chế biến, tiêu thụ để chia sẻ thông tin, điều tiết sản xuất theo yêu cầu từ thị trường.

Hai là, Cục Thú y tăng cường kiểm soát dịch bệnh, chia sẻ thông tin với Tổng cục Thủy sản và các địa phương ĐBSCL.

Ba là, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm vùng nuôi cá tra, đặc biệt vùng nuôi cung cấp nguyên liệu xuất khẩu đi Mỹ; chia sẻ kết quả kiểm tra dư lượng với Tổng cục Thủy sản để phối hợp chỉ đạo nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

Bốn là, thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường, kịp thời tham mưu, chia sẻ thông tin với các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở nuôi để có kế hoạch sản xuất phù hợp

Năm là, xây dựng kịch bản ứng phó với dịch bệnh, dựa trên thông tin, hướng dẫn của ngành y tế.

Sáu là, đa dạng hóa sản phẩm theo hướng tiện lợi cho tiêu dùng; Đẩy mạnh hoạt động giao dịch điện tử trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19; Tuân thủ các quy định về sử dụng kháng sinh trong nuôi cá tra; nâng cao chất lượng sản phẩm;

## CÔNG TÁC ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH COVID - 19

*“Nhờ sự đồng lòng, quyết tâm của tất cả cán bộ công nhân viên và sự chuẩn bị đầy đủ phương án ứng phó và lên kịch bản kỹ càng cho các tình huống phát sinh nên tới nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco vẫn diễn ra ổn định, đáp ứng đầy đủ các đơn đặt hàng.”*

Khởi phát từ Vũ Hán (Trung Quốc) từ cuối năm 2019 dịch Covid – 19 đã quét qua tất cả các Châu lục với nhiều biến chủng khác nhau. Tại Việt Nam, nhờ sự vào cuộc nhanh chóng, kịp thời, thống nhất chỉ đạo xuyên suốt của các cấp ủy Đảng, Chính phủ và sự nỗ lực triển khai của chính quyền các cấp xuyên suốt các giai đoạn.

Để ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Trisedco đã triển khai các hành động nhanh chóng và quyết đoán với mục tiêu tối quan trọng: “An toàn cho người lao động. An toàn cho sản xuất”. Đặc biệt, việc tỉnh Đồng Tháp – địa phương đặt trụ sở chính của Trisedco đã từng là tâm điểm của cả nước khi phát hiện nhiều ca dương tính với SARS – Cov – 2 đã càng đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo. Nhờ sự đồng lòng, quyết tâm của tất cả cán bộ nhân viên và sự chuẩn bị đầy đủ phương án ứng phó và lên kịch bản kỹ càng cho các tình huống phát sinh nên tới nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Trisedco vẫn diễn ra ổn định, đáp ứng đầy đủ các đơn đặt hàng.



Công ty đã triển khai các biện pháp ứng phó đồng bộ, triệt để tại nhà máy, văn phòng như:

- Rà soát lịch trình, lập danh sách các nhân viên và người tiếp xúc liên quan tới các ca nghi lây nhiễm, khoanh vùng và quán triệt cách ly theo quy định phòng chống dịch bệnh.
- Thực hiện hàng loạt các biện pháp phòng chống đảm bảo an toàn đồng bộ như: đo thân nhiệt hằng ngày, trang bị đầy đủ khẩu trang, nước rửa tay sát khuẩn từng văn phòng, nhà máy làm việc, phân chia thành nhiều ca ăn cho cán bộ nhân viên để tránh mật độ tập trung đông người, khuyến nghị nhân viên không ăn bên ngoài khu vực văn phòng làm việc, tạm dừng các hoạt động tập trung, trừ một số trường hợp đặc biệt quan trọng, chuyển sang hình thức làm việc trực tuyến trong từng thời kỳ,...
- Thành lập Ban Phòng chống dịch bệnh tại Công ty để rà soát, theo dõi sát sao công tác phòng chống dịch bệnh trong Công ty, thực hiện các biện pháp tuyên truyền, truyền thông nhằm nâng cao tinh thần củng cố ý thức trong công tác phòng chống dịch bệnh.
- Phun thuốc khử trùng tại toàn bộ khu vực làm việc của các Cán bộ - Công nhân viên tại khu vực văn phòng và nhà máy. 100% CB – CNV đều đã thực hiện nghiêm túc yêu cầu đeo khẩu trang và sát khuẩn tay tại nơi làm việc, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ cho tất cả CB-CNV
- Thực hiện giải pháp “4 tại chỗ” và tổ chức triển khai xét nghiệm Covid – 19 cho các Cán bộ - Công nhân viên;

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Trong năm 2021 đầy biến động cả về kinh tế và xã hội, các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại Việt Nam bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid – 19, Trisedco vẫn kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tập trung phát triển, bám sát mục tiêu kinh doanh với nhiều hoạt động trọng điểm như sau:

#### Các dự án lớn

Hoàn thành lắp ráp dây chuyền sản xuất Margarine & các sản phẩm cùng loại và hoàn thành dự án sản xuất bột nêm từ cá Tra.

#### Về chiến lược phát triển

Hội đồng quản trị tiếp tục định hướng chiến lược 05 năm giai đoạn 2017 - 2021 và những điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với nền kinh tế Việt Nam hiện nay và đưa ra một số quyết định sau: kiểm soát tốt thị trường, cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng vốn điều lệ nhằm tăng sức mạnh giá trị của doanh nghiệp, kiểm soát tốt dịch bệnh do Virus Corona gây ra,...

#### Về vị thế kinh doanh

Trisedco là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về sản xuất và xuất khẩu bột cá mỡ cá Tra hiện nay. Thị phần cung ứng sản phẩm trong thời gian qua không ngừng mở rộng và phát triển. Ngoài ra, trong năm 2021 Trisedco còn không ngừng đẩy mạnh việc đầu tư trang thiết bị máy móc, hoàn thiện hệ thống sản xuất sản phẩm bột nêm từ cá Tra, hoàn thành công trình mở rộng diện tích nhà máy, diện tích khu vực tiếp nhận nguyên liệu và đã chủ động kiểm soát được sản lượng sản xuất và thương mại phù hợp với thị trường tiêu thụ trong giai đoạn hiện nay.

#### Về quản trị & Phát triển thị trường

Năm 2021, Hội đồng quản trị đưa ra những định hướng về nâng cao quản trị doanh nghiệp và thực hiện các chính sách phát triển bền vững.

#### Về sản xuất kinh doanh

Về doanh số thực hiện 2.259,98 tỷ đồng, đạt 107,62% so với kế hoạch đề ra.

Về lợi nhuận trước thuế thực hiện 39,46 tỷ đồng đạt 89,68% so với kế hoạch đã được phê duyệt.

#### Về công tác quản lý

Công ty tiếp tục tăng cường công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Đẩy mạnh những công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà máy, chú trọng trong việc giám sát chất lượng sản phẩm, cải tiến quy trình và an toàn lao động. Thực hiện rà soát, xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn để hướng đến mô hình phát triển bền vững.

#### Về công tác nhân sự

Trong năm 2021, Công ty đã đảm bảo được nguồn nhân lực trong điều kiện khó khăn như hiện nay. Trisedco luôn ghi nhận những ý kiến đóng góp để phát triển vì lợi ích chung, thực hiện chi trả lương, thưởng và những phúc lợi cần thiết của người lao động theo quy định của Pháp luật. Đồng thời luôn hỗ trợ kịp thời cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, giữ việc làm ổn định cho người lao động để đảm bảo về mặt tinh thần và vật chất để họ yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### THUẬN LỢI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Hoàn thành một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2021



3. Có sự đổi mới trong điều hành, quản trị công ty. Cải tiến về quy trình làm việc, công khai, minh bạch trong việc mua bán hàng hóa, xây dựng cơ cấu tổ chức, hệ thống quy chế đầy đủ, phân công trách nhiệm rõ ràng. Nhân viên được tự do sáng tạo, trình bày ý kiến của mình với lãnh đạo công ty trong những vấn đề bất cập xảy ra.



2. Với sự phát triển trong điều kiện nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid – 19, Trisedco đã và đang khẳng định được hiệu quả và vị trí trên thị trường sản xuất và tiêu thụ bột cá.



4. Tình hình tiêu thụ bột cá – mỡ cá trong năm 2021 vẫn ổn định trong thời điểm xảy ra dịch Covid - 19, do đó Trisedco nằm trong top 3 công ty bột cá lớn ở Việt Nam.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## BÁO CÁO THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC NĂM 2021

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	CHỈ TIÊU 2017 - 2021	KẾ HOẠCH 2021	THỰC HIỆN 2021
<b>1. TỐI ĐA HÓA GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>			
Quản lý chi phí hiệu quả	≥ 3,1%	3,1%	1,53%
Quản lý tài sản hiệu quả	≥ 2,7%	2,7%	2,12%
Nguồn vốn được huy động hiệu quả	≥ 6,7%	6,7%	5,21%
<b>2. LÀ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH BỘT – MỠ HÀNG ĐẦU</b>			
Đạt vị thế Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bột, mỡ cá Tra hàng đầu Việt Nam về doanh thu.	Tăng trưởng doanh thu trung bình từ 10% đến 15%/năm. Đạt doanh thu 2.500 tỷ vào năm 2021.  Lộ trình kế hoạch doanh thu từng năm: - 2021: 2.500 tỷ đồng	Doanh thu thuần năm 2021: 2.100 tỷ đồng	Doanh thu thuần đạt 2.259,97 tỷ đồng.  Đạt 107,62% so với kế hoạch đề ra.
Đạt vị thế doanh nghiệp xuất khẩu bột cá Tra lớn nhất Việt Nam	Duy trì thị phần xuất khẩu bột cá nằm trong Top 3 của Việt Nam	Duy trì thị phần xuất khẩu bột cá nằm trong Top 3 của Việt Nam	Đạt được thị phần xuất khẩu bột cá nằm trong Top 3 của Việt Nam
<b>3. CẢI THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN TỐT CÁC NGUỒN LỰC NỀN TẢNG</b>			
Nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn hóa quy chế và quy trình quản trị doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước, thông lệ quốc tế, phù hợp với doanh nghiệp.</li> <li>- Xây dựng quy chế kiểm soát nhằm dự báo, phát hiện và ngăn ngừa rủi ro gắn liền với tất cả hoạt động của công ty.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện, thống nhất tất cả các văn bản của công ty về nội qui, quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các phòng, ban.</li> <li>- Duy trì thực hiện qui định trong sản xuất để đạt được các giấy chứng nhận về chất lượng trong sản xuất như: GMP+, IFFO, HACCP, ISO nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các mối nguy, rủi ro trong sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã ban hành Hồ sơ các văn bản pháp qui để chuẩn hóa tất cả các hoạt động, tổ chức trong công ty một cách thống nhất.</li> <li>- Đã được cấp chứng nhận IFFO là một trong những điều kiện quan trọng để xuất khẩu bột cá sang Thái Lan và một số quốc gia khác.</li> </ul>

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	CHỈ TIÊU 2017 - 2021	KẾ HOẠCH 2021	THỰC HIỆN 2021
Quản trị tài chính hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác hiệu quả chính sách ưu đãi về thuế đối với mặt hàng mà công ty đang sản xuất.</li> <li>- Khai thác hiệu quả nguồn vốn vay thông qua các dịch vụ của ngân hàng.</li> </ul>	Hoàn thiện hiệu quả các nhiệm vụ vay vốn tài chính thông qua các dịch vụ từ ngân hàng.	Trisedco đã được hưởng các ưu đãi về lãi suất, tỷ giá ở các Ngân hàng.
Xây dựng và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.	Tiếp nhận nguồn nhân lực mới và đào tạo theo hướng kế thừa	Xem xét những vị trí trong các bộ phận của công ty còn thiếu nhân lực để đề xuất với Tập đoàn tăng cường, điều động về.	Trong năm 2021 đã tiếp nhận thêm nhân viên ở một số vị trí.

### KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích lập năm 2021	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế năm 2021		34.660.450.384 đồng
Quỹ đầu tư phát triển	5% lợi nhuận sau thuế	1.733.022.519 đồng
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	5% lợi nhuận sau thuế	1.733.022.519 đồng
Quỹ khác không thuộc vốn chủ sở hữu	5% lợi nhuận sau thuế	1.733.022.519 đồng
Chia cổ tức năm 2021	Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

Trong năm 2021, Trisedco đã thực hiện đầu tư nhiều hạng mục máy móc thiết bị cho khối lượng, chất lượng sản xuất, kỹ thuật và thực hiện các bảo trì, sửa chữa, nâng cấp định kỳ với tổng giá trị đầu tư là 121.084 triệu đồng. Các dự án được lập kế hoạch đầu tư từ năm 2020, trước khi thực hiện sẽ được phân tích đánh giá đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và phân bổ các nguồn lực, dòng tiền chi ra một cách hiệu quả nhất nhưng vẫn được đảm bảo các dự án được triển khai kịp thời, đáp ứng nhu cầu của Công ty và thị trường.

STT	Hạng mục	Giá trị đầu tư	Giá trị được tài trợ
1	Hệ thống máy móc dự án bột nêm cá Tra	70.000	18.600
2	Dây chuyền sản xuất Margarine và Shortening	51.084	35.953
	<b>TỔNG</b>	<b>121.084</b>	<b>54.553</b>

*(Nguồn tài chính để xây dựng và lắp đặt các công trình trên từ hình thức thuê tài chính và tài trợ từ ngân sách nhà nước nên chiếm tỷ lệ nhất định).*

Trong năm 2021, Trisedco có tổng cộng 02 hạng mục công trình được đầu tư và đã nghiệm thu đưa vào sử dụng với tổng giá trị đầu tư là 121.084 triệu đồng. Trong năm 2022, Trisedco đang làm việc với các đơn vị sản xuất để nhập 01 máy ly tâm tách mỡ công suất 12,5-15,0 m<sup>3</sup>/h phục vụ cho sản xuất.



## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*Năm 2021, là một năm gặp nhiều khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và những doanh nghiệp như Trisedco nói riêng. Nhưng với mô hình sản xuất được đầu tư từ nhiều năm qua và những thế mạnh sẵn có về thị trường, vùng nguyên liệu từ những năm trước thì năm 2021 Trisedco có một năm vượt qua khó khăn đáng được ghi nhận.*

Tính đến thời điểm 31/12/2021 mô hình hoạt động của Công ty Trisedco bao gồm:

- Nhà máy sản xuất: một nhà máy sản xuất bột cá – mỡ cá với 03 dây chuyền sản xuất trực thuộc Công ty Trisedco với tổng công suất 470 tấn nguyên liệu/ngày. 01 hệ thống sản xuất bột nêm từ cá Tra.

- Nhà máy tinh luyện dầu: một nhà máy tinh luyện dầu với 02 dây chuyền tinh luyện dầu và 01 dây chuyền sản xuất Margarine và các sản phẩm cùng loại với Margarine đã hoàn thiện đưa và hoạt động sản xuất.

- Công ty liên doanh liên kết: Công ty Cổ phần Tư Vấn và & Đầu Tư Tài Chính – ASTAR.

Bối cảnh chung của thị trường năm 2021 ảnh hưởng lớn đến tất cả các hoạt động của Trisedco. Các lợi thế cạnh tranh nổi bật sẵn có của Công ty là điều kiện quan trọng giúp Trisedco vượt qua những khó khăn. Đó cũng là một trong những lợi thế để Trisedco khẳng định vị thế về thương hiệu thật sự lớn mạnh về đội ngũ.

Kế hoạch kinh doanh và mục tiêu phát triển năm 2021 đã được ĐHQĐ thường niên thông qua phù hợp với tình hình thực tế những vẫn khá khó khăn khi dịch Covid – 19 bùng phát lại ở những tháng giữa năm 2021. Tuy nhiên kết quả thực hiện mà Ban Tổng Giám cùng toàn thể người lao động của Trisedco đã đạt được như mong đợi.

### MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2021

#### Thuận lợi:

- Trisedco là một trong những công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai nên nhận được sự hỗ trợ tối đa về mặt tài chính, đầu tư và các điều kiện thuận lợi để tổ chức sản xuất, kinh doanh từ Tập đoàn và các công ty thành viên khác.

- Nguồn nguyên liệu ổn định từ IDI có phạm vi vận chuyển gần, tỷ lệ vụn được đảm bảo nên chất lượng về độ tươi rất tốt nên độ đậm của bột cá luôn được duy trì tốt.

- Hệ thống dây chuyền sản xuất bột cá - mỡ cá, kho bãi đã hoàn thiện và đi vào hoạt động ổn định, cho ra thành phẩm bột, mỡ có chất lượng tốt.

- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm phụ đã được khai thác tối đa nhờ các chính sách khích lệ, tạo động lực cho Công nhân.

- Tại thị trường Trung Quốc nhãn hiệu bột cá của Trisedco cũng đã có một chỗ đứng nhất định. Từ đó xây dựng được mối quan hệ truyền thống với nhiều khách hàng lớn, uy tín tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bán hàng.

#### Khó khăn:

- Hoạt động thương mại bột cá ngày càng khó khăn do một số nhà máy đã được cấp giấy phép xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

- Thị trường phụ phẩm hiện nay rất khó mua ngoài để tăng lượng sản xuất do các nhà máy phụ phẩm hầu như đã thống nhất phân chia các nhà máy fillet.

- Năm 2021, ảnh hưởng của việc xuất khẩu cá Tra fillet, nên các nhà máy giảm quy mô sản xuất ngắn hạn dẫn đến lượng phụ phẩm cũng giảm theo.

- Giá cước vận tải đường biển tăng do sự tác động trực tiếp từ dịch Covid – 19, quy trình kiểm soát khử trùng hàng hóa ở các nước nhập khẩu thực hiện nghiêm ngặt.

- Các mặt hàng bao tử và bong bóng cá tra ở các cửa khẩu phía Bắc cũng chịu ảnh hưởng tương tự, trong khi 2 mặt hàng này, nhất là bong bóng khô xuất khẩu 100% sang Trung Quốc làm cho dòng tiền về của các đơn vị xuất khẩu bao tử và bong bóng tắt nghẽn cục bộ, ảnh hưởng rất lớn đến việc lấy hàng và thanh toán tiền hàng bao tử và bong bóng cho các nhà máy phụ phẩm.

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

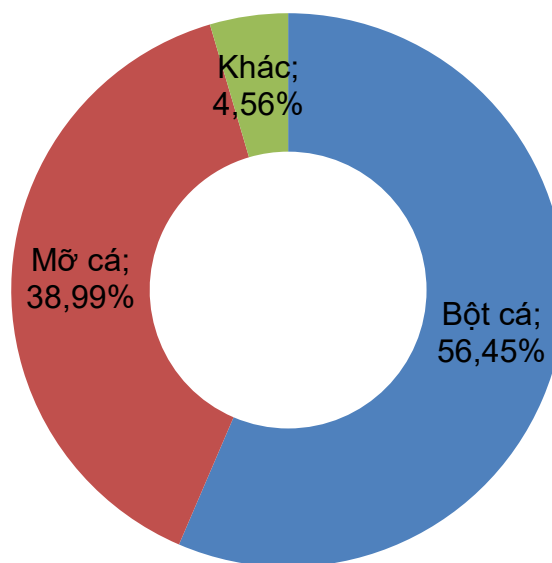
Năm 2021, đại dịch Covid – 19 đã có những tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Trisedco. Nếu như ở Quý III, kết quả kinh doanh có những sụt giảm so với cùng kỳ năm 2020 thì ở Quý IV có những cải thiện so với Quý III/2021.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021 LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHÂN TỐ QUAN TRỌNG TRONG GIAI ĐOẠN KHÔI PHỤC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU THỜI GIAN ĐỐI MẶT VỚI KHÓ KHĂN, LÀ TIỀN ĐỀ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRISED CO Ở NHỮNG NĂM TIẾP THEO. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CỦA CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU SO VỚI NĂM 2020. SẢN LƯỢNG CŨNG NHƯ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA CÔNG TY CŨNG ĐÃ KHÔI PHỤC VÀ ỔN ĐỊNH.

**210**  
TỶ VND  
DOANH THU XUẤT KHẨU

**2.050**  
TỶ VND  
DOANH THU NỘI ĐỊA

## CƠ CẤU DOANH THU



Năm 2021, doanh thu từ mặt hàng bột cá vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Trisedco là 56,45% và mỡ cá là 38,99%. Từ đó ta thấy được bột cá là mặt hàng chủ lực và then chốt trong hoạt động kinh doanh của Trisedco. Ngoài bột cá – mỡ cá thì doanh thu của Công ty còn từ hoạt động mua bán sản phẩm phụ (sản phẩm giá trị gia tăng như: bong bóng, bao tử,...) và cho thuê tài sản nhưng chỉ chiếm khoảng 4,56% doanh thu của Trisedco.

Mục tiêu chính và chủ yếu trong năm 2021 là khắc phục hậu quả của dịch Covid – 19, ổn định sản xuất, tìm kiếm khách hàng mới, đa dạng thị trường xuất khẩu, khai thác tốt các tiềm năng sẵn có. Từ đó, sản lượng tiêu thụ được ổn định trong tình hình hiện tại.

Doanh thu mỡ cá chiếm 38,99% trong cơ cấu tổng doanh thu. Ở thời điểm cuối năm 2021 giá mỡ có sự đột biến, nên doanh thu và sản lượng của mặt hàng này đạt theo kế hoạch đề ra. Năm 2021, Trisedco bắt đầu đa dạng thị trường xuất khẩu mỡ cá.

Doanh thu từ sản phẩm phụ và cho thuê tài sản chiếm 4,56% trong tổng doanh thu, khoản doanh thu này chủ yếu để bù đắp giá thành trong quá trình sản xuất. Giá cả sản phẩm phụ thuộc vào từng thời điểm có biên độ giao động khá lớn và giá cả phụ thuộc vào từng mùa khác nhau. Tuy nhiên sản phẩm phụ là mặt hàng có giá trị kinh tế cao cần khai thác tối đa.

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

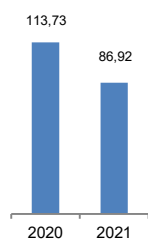
Doanh thu thuần

4,63%



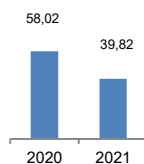
Lợi nhuận gộp

-23,57%



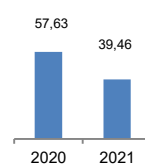
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

-31,37%



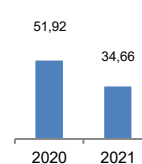
Lợi nhuận trước thuế

-31,58%



Lợi nhuận sau thuế

-33,24%



(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm 2021, đại dịch Covid – 19 đã hiện hữu rõ nét với nhiều biến chứng mới nguy hiểm hơn liên tục xuất hiện và gây nên những biến động chưa từng có đối với đời sống xã hội lẫn môi trường kinh doanh trên toàn cầu. Việt Nam trong năm 2021 là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng lớn cụ thể từ tháng 05/2021. Theo đánh giá chung, Covid – 19 tác động đến giới doanh nghiệp sâu sắc hơn của bất kỳ cuộc khủng hoảng kinh tế nào trong lịch sử thế giới hiện đại.

Hệ quả từ Covid – 19 là rất nhiều doanh nghiệp bị rơi vào hoàn cảnh khốn đốn. Tình trạng đình trệ diễn ra khắp nơi. Đóng cửa hoãn hoặc hủy các kế hoạch, tạm ngừng lao động, giảm lương nhân viên,... là những giải pháp mà nhiều doanh nghiệp bắt buộc lựa chọn.

Thị trường Thủy sản cũng theo đó rơi vào giai đoạn ảm đạm. Doanh nghiệp và khách hàng đều trở nên vô cùng thận trọng trong các quyết định, mãi lực chậm lại, nhiều dự án phải thay đổi kế hoạch hoặc tìm những giải pháp hữu hiệu để hơn để sinh tồn. Theo thông tin của Tổng cục thống kê, năm 2021 số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn gần 55 nghìn, 48,1 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, 16,7 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể.

Giữa bối cảnh đó, Trisedco đã có những kế hoạch phù hợp để không bị Covid – 19 làm thay đổi hướng đi. Công ty vẫn giữ vững các tiêu chí và hoạt động kinh doanh, triển khai đúng hạn các kế hoạch đã có. Mọi nghĩa vụ về tài chính vẫn được Trisedco thực hiện đúng hạn.

Hơn thế nữa, nhờ nguồn tài chính tích lũy, Trisedco đã tiến hành đẩy mạnh thương mại tiêu thụ nội địa ở những thời điểm căng thẳng do ảnh hưởng từ dịch từ tháng 05/2021.

Mặc dù đã có những kế hoạch ứng phó với diễn biến của nền kinh tế những trong năm 2021 Trisedco vẫn khó có thể loại bỏ những ảnh hưởng trực tiếp nên mặc dù duy trì được doanh thu trong năm 2021 nhưng lợi nhuận của Công ty có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2020. Cụ thể lợi nhuận sau thuế giảm 33,24% so với năm 2020.

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM NGHIỆM

1. Tái kiểm tra và được cấp giấy chứng nhận GMP+
2. Hoàn thành đánh giá và được cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do; giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y; giấy chứng nhận hợp quy.
3. Hoàn thiện tái kiểm định ISO 22000:2005 và HACCP
4. Được cấp giấy chứng nhận quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn IFFO.



### HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

1. Kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ trong vận hành hệ thống và hoàn thiện các quy trình quản trị doanh nghiệp.
2. Đổi mới, nâng cao chất lượng thông tin cung cấp thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị... giúp Ban Tổng Giám đốc đưa ra các quyết định nhanh chóng, chính xác kịp thời
3. Triển khai và sử dụng hóa đơn điện tử.



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

### BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Chỉ tiêu	31/12/2020 (tỷ đồng)	31/12/2021 (tỷ đồng)	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	1.095,78	1.151,88	5,12%
Tài sản dài hạn	543,39	474,37	-12,70%
Tổng tài sản	1.639,17	1.626,25	-0,79%
Nợ phải trả	992,89	942,66	-5,06%
Trong đó: Nợ ngắn hạn	841,37	868,50	3,22%
Nợ dài hạn	151,53	74,19	-51,04%
Vốn chủ sở hữu	646,27	683,56	5,77%

### Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 đạt 1.151,88 tỷ đồng tăng 5,12% so với năm 2020. Trong đó: tiền và các khoản tương đương tiền giảm 74,34 tỷ đồng, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 59,38 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 69,60 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 3,46 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn khác giảm 1,99 tỷ đồng.

### Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2021 đạt 474,37 tỷ đồng giảm 12,70% so với năm 2020.

Tài sản cố định giảm từ 308,08 tỷ đồng năm 2020 còn 255,82 tỷ đồng ở năm 2021 chủ yếu từ các khoản tài sản cố định thuê tài chính.

### Tổng nợ phải trả

Năm 2021, tổng nợ phải trả của Trisedco là 942,69 tỷ đồng. Trong đó nợ ngắn hạn giảm từ 841,37 tỷ đồng năm 2020 tăng lên còn 868,50 tỷ đồng và nợ dài hạn giảm từ 151,53 tỷ đồng xuống còn 74,19 tỷ đồng ở năm 2021.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu tăng từ 646,27 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 lên 683,56 tỷ đồng tại ngày 31/12/2021, chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Công ty.





## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2021 (tỷ đồng)	% Tăng/Giảm
Doanh thu thuần	2.159,89	2.259,97	4,63%
Lợi nhuận gộp	113,73	86,92	-23,57%
Chi phí tài chính	69,25	53,11	-23,30%
Trong đó: Chi phí lãi vay	67,77	52,97	-21,83%
Lợi nhuận sau thuế	51,92	34,66	-33,24%

#### Doanh thu thuần

Doanh thu thuần năm 2021 đạt 2.259,97 tỷ đồng tăng 4,63% so với năm 2020.

#### Lợi nhuận gộp

Năm 2021, lợi nhuận gộp đạt 86,92 tỷ giảm 23,57%. Lợi nhuận gộp giảm trong khi doanh thu vẫn duy trì so với năm 2020 chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 làm trì hoãn việc sản xuất kinh doanh và gián đoạn mua bán do giãn cách xã hội kéo dài làm giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao.

#### Chi phí tài chính

Năm 2021 chi phí tài chính phát sinh là 53,11 tỷ đồng giảm 23,30%. Trong đó chi phí lãi vay cũng giảm từ 67,77 tỷ đồng còn 52,97 tỷ đồng. Chi phí tài chính giảm nguyên nhân từ giảm chi phí lãi vay. Đồng thời trong năm 2021, Trisedco cũng ghi nhận 22,05 tỷ đồng doanh thu tài chính giảm 9,47 tỷ đồng, nguyên nhân là do năm 2021 Trisedco giảm các khoản tiền gửi ngân hàng như năm 2020.

#### Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá đến hoạt động kinh doanh

Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Trisedco. Nhưng trong năm 2021, Trisedco chỉ ghi nhận 0,31 tỷ chênh lệch từ tỷ giá hối đoái.

#### Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay đến hoạt động kinh doanh

Năm 2021 Trisedco ghi nhận lãi tiền gửi, tiền cho vay đạt 20,51 tỷ đồng giảm 32,94% so với năm 2020. Đồng thời Trisedco phát sinh chi phí lãi vay giảm từ 67,77 tỷ đồng còn 52,97 tỷ đồng. Như vậy chênh lệch lãi vay trong năm 2021 dẫn đến khoản lỗ 32,45 tỷ đồng.

#### Ảnh hưởng của nợ phải trả/phải thu xấu/tài sản xấu

Năm 2021 Trisedco thực hiện tốt các chính sách thu hồi công nợ, không phát sinh các khoản phải thu xấu, tài sản xấu làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Đồng thời cũng thanh toán đúng hạn đối với các nghĩa vụ phát sinh với nhà cung cấp, khách hàng và các bên liên quan.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/Giảm
<b><u>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></b>			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,30	1,33	1,84%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,17	1,20	2,03%
<b><u>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u></b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,58	-4,30%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,54	1,38	-10,23%
<b><u>3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</u></b>			
Vòng quay hàng tồn kho	24,02	19,95	-16,98%
Vòng quay tài sản	1,34	1,38	3,01%
<b><u>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u></b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,40%	1,53%	-36,32%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,40%	5,21%	-37,97%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,23%	2,12%	-34,40%
HSLN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,69%	1,76%	-34,41%

### Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Từ năm 2020 đến năm 2021, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đều lớn hơn 1 cho thấy Công ty có thể hoàn thành tốt các nghĩa vụ nợ phát sinh.

### Cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về Cơ cấu vốn có xu hướng giảm. Tại thời điểm 31/12/2021, hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty là 0,58 và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 1,38 là mức hợp lý trong điều kiện công ty đang tìm kiếm huy động nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

### Hiệu quả hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Trisedco giảm từ 24,02 vòng xuống 19,95 vòng ở năm 2021, thể hiện hiệu quả quản lý hàng tồn kho được cải thiện. Chỉ số vòng quay tài sản theo báo cáo 1,38 lần tăng 3,01%

### Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời theo Báo cáo của Trisedco trong năm 2021 đều giảm so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do dịch bệnh Covid – 19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

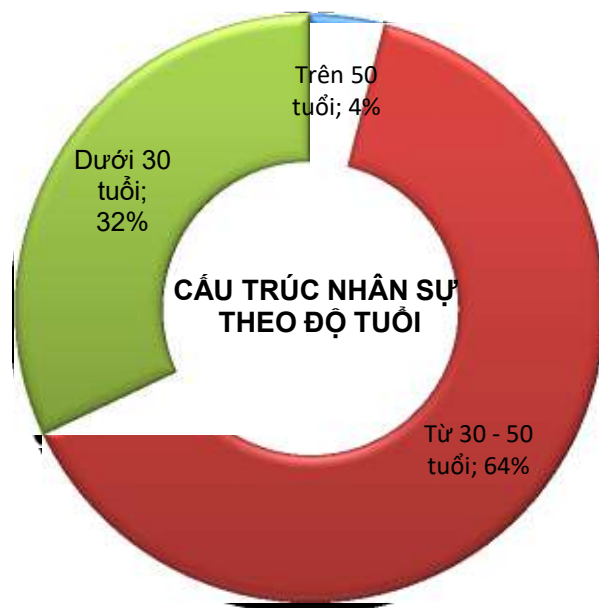
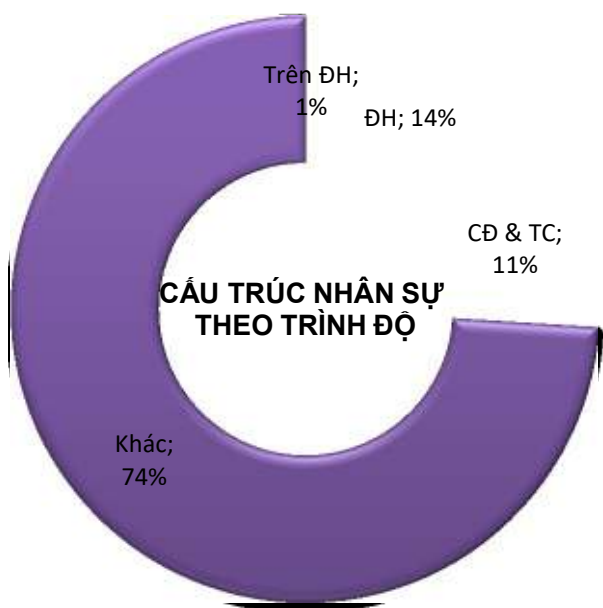
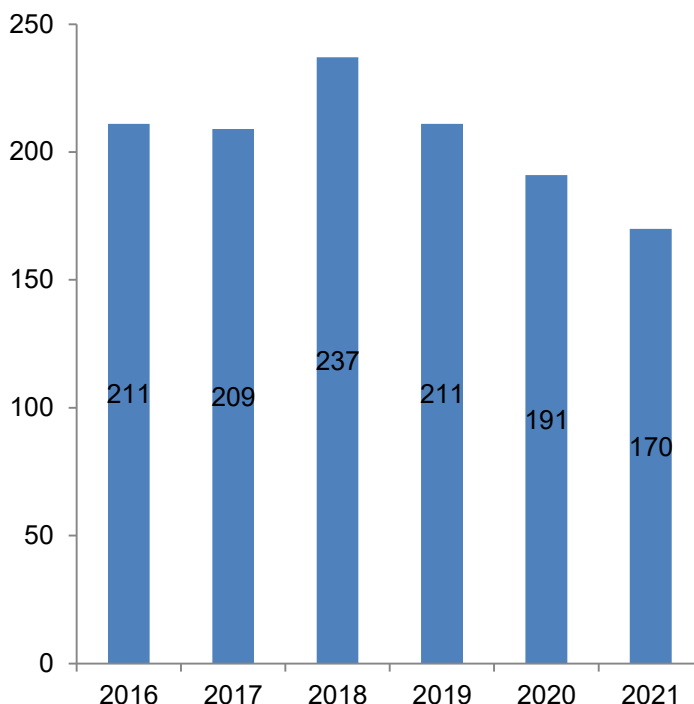
## BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Số lượng nhân sự tính đến ngày 31/12/2021 là 170 CB-CNV. Xác định con người là nguồn lực quý giá nhất, lấy tiêu chí “trách nhiệm, hợp tác, đăi ngộ” là phương châm hành động để gắn kết lâu dài cùng người lao động. Trong hơn 10 năm phát triển, Trisedco đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản, giỏi về chuyên môn, luôn luôn tận tâm vì sự vững mạnh và phát triển của Công ty.

Nhìn chung lực lượng lao động của Trisedco không có biến động về số lượng nhân sự ở năm 2021.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ 2016 - 2021



## BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Người lao động	Năm 2021
<b>SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ</b>	
<b>Thông kê theo giới tính</b>	
Nam	76
Nữ	14
<b>Thông kê theo khối chức năng</b>	
Khối văn phòng	38
Khối nhà máy	52
Khối bóc tách	80
<b>Thông kê theo trình độ</b>	
Trên đại học	1
Đại học	22
Cao đẳng, Trung cấp	19
Khác	48
<b>Thông kê theo độ tuổi</b>	
Dưới 30 tuổi	18
30 – 50 tuổi	62
Trên 50 tuổi	10

THÔNG KÊ VỀ CẤP QUẢN LÝ					
Chỉ tiêu		Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số lao động cấp quản lý		13	100%	13	100%
Giới tính	Nam	11	85%	11	85%
	Nữ	2	15%	2	15%
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	0	0%	0	0%
	Từ 30 – 50 tuổi	12	92%	12	92%
	Trên 50 tuổi	1	8%	1	8%

## BÁO CÁO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG



THỐNG KÊ VIỆC TUYỂN DỤNG			
Chỉ tiêu		Năm 2020	Năm 2021
Tuyển dụng mới trong năm		3	2
Giới tính	Nam	1	1
	Nữ	2	1
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	2	1
	Từ 30 – 50 tuổi	1	1
	Trên 50 tuổi	0	0
Nghỉ việc trong năm		11	12
Chuyển công tác sang công ty khác trong TĐ		2	3

## MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, Trisedco có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ. Cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật lao động.

**Điều kiện làm việc:**

Cán bộ công nhân viên được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ, kiểm tra sức khỏe định kỳ. Công nhân được trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

**Khen thưởng:**

Công ty đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng, theo dõi mọi Cán bộ - Công nhân viên có thành tích đóng góp vào hiệu quả hoạt động của các bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

**Lương và bảo hiểm phúc lợi:**

Công ty áp dụng chính sách tiền lương cho CB-CNV theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của Trisedco dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Công ty. Thực hiện đầy đủ các chính sách lương thưởng, phúc lợi và trích nộp đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Triển khai chế độ chính như nâng lương, tiền ăn giữa ca giúp ổn định tâm lý người lao động.

**Các chế độ khác:**

- Khám sức khỏe định kỳ;
- Đồng phục và bảo hộ lao động.

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

### KẾ HOẠCH THU MUA NGUYÊN LIỆU

Công ty Trisedco chỉ sử dụng nguồn nguyên liệu phụ phẩm từ các Công ty thành viên trong tập đoàn Sao Mai và các đơn vị cung cấp có khoảng cách từ 20-30km. Trong năm 2021, các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai dự kiến sản xuất bình quân khoảng 10.000 tấn nguyên liệu cá/tháng. Do đó trong năm 2021, nguồn nguyên liệu cung cấp cho Trisedco dự kiến khoảng 6.500 tấn nguyên liệu phụ phẩm/tháng.

### KẾ HOẠCH TIÊU THỤ

Công ty lập kế hoạch chi tiết tiêu thụ về nhu cầu thị trường, dự báo giá cả,... từ đó sẽ chủ động trong việc mua, bán hàng hóa tùy theo diễn biến thị trường đảm bảo việc kinh doanh đạt hiệu quả nhất. Hạn chế dần sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, bằng cách mở rộng và đa dạng thị trường xuất khẩu sang một số quốc gia khác như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... Bên cạnh đó duy trì và phát triển thị trường truyền thống của Trisedco là Trung Quốc.

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>						
<b>1</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Tấn</b>	<b>19.515</b>	<b>26.840</b>	<b>31.309</b>	<b>25.316</b>	<b>102.980</b>
	Sản phẩm chính	Tấn	19.172	26.482	30.828	24.956	101.438
	Sản phẩm phụ	Tấn	343	358	480	360	1.542
<b>2</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Tháng</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>12</b>
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>500.463</b>	<b>614.910</b>	<b>645.397</b>	<b>539.229</b>	<b>2.300.000</b>
<b>1</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>477.269</b>	<b>591.716</b>	<b>622.203</b>	<b>516.035</b>	<b>2.207.223</b>
	Sản phẩm chính	Triệu đồng	465.979	579.835	606.544	504.966	2.157.324
	Sản phẩm phụ	Triệu đồng	11.290	11.881	15.659	11.069	49.900
<b>2</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>23.194</b>	<b>23.194</b>	<b>23.194</b>	<b>23.194</b>	<b>92.777</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>39.036</b>	<b>47.963</b>	<b>51.664</b>	<b>42.060</b>	<b>180.723</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>32.400</b>	<b>39.809</b>	<b>42.881</b>	<b>34.910</b>	<b>150.000</b>

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

DỰ KIẾN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022	
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.300.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	0
<b>Doanh thu thuần về BH&amp;CCDV</b>	<b>2.300.000</b>
Giá vốn hàng bán	2.064.408
<b>Lợi nhuận gộp về BH&amp;CCDV</b>	<b>235.592</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	29.453
Chi phí tài chính	64.534
- Trong đó: Chi phí lãi vay	63.822
Chi phí bán hàng	12.521
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.781
<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>181.209</b>
Thu nhập khác	45.200
Chi phí khác	45.686
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>-486</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>180.723</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.723
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>150.000</b>

## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Tinh gọn bộ máy nhân sự nhằm giảm chi phí quản lý và khai thác tối đa nguồn nhân lực.
- Phán đoán biến động giá mua và giá bán trên thị trường là chìa khóa quan trọng để tăng tỷ suất sinh lời của bột cá, mỡ cá và các chi phí đầu vào.
- Tìm kiếm đối tác để thực hiện liên kết xuất khẩu dựa trên thế mạnh sẵn có của Trisedco, đồng thời phải tranh thủ đa dạng hóa thị trường xuất khẩu bột cá, mỡ cá để tăng doanh thu và lợi nhuận hạn chế phụ thuộc 100% vào thị trường Trung Quốc.
- Dây chuyền sản xuất bột nôm làm từ đầu xương cá Tra đã hoàn thiện và được hội đồng khoa học thông qua sẽ cho triển khai dựa trên kết quả nghiên cứu thị trường để đưa ra thị trường mặt hàng mới là bột nôm nhằm đa dạng hóa hàng hóa sản xuất.



## TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TRISEDCO

**Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Trisedco. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức và giải thể Công ty, quyết định các định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm toán nội bộ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Hội đồng quản trị** do ĐHĐCĐ bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của Trisedco, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của Trisedco, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty hiện đang có 05 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập.

Ngoài các nội dung thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, các giao dịch của giá trị nhỏ hơn hoặc nhiệm vụ nằm ngoài thẩm quyền của HĐQT được giao cho Ban Tổng Giám đốc điều hành quyết định.

**Ban Kiểm toán nội bộ** do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động song song với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm.

**Ban Tổng Giám đốc** tổ chức thực hiện các kế hoạch, chiến lược mà HĐQT đã đề ra cho Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Các bộ phận chức năng của Công ty có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để đề xuất các chiến lược, định hướng kinh doanh cho Công ty, cũng như giám sát, hỗ trợ các nhân viên tăng cường hoạt động hiệu quả.

Các bộ phận chức năng thực hiện các hoạt động tập trung như: quản trị, chính sách nhân sự và đào tạo, tư vấn pháp luật, quản lý hệ thống công nghệ thông tin, phát triển thương hiệu, marketing, quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông, quản lý vốn, thực hiện các giao dịch huy động vốn và mua bán, sáp nhập, đảm bảo huy động với chi phí tối ưu và sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, tối đa hóa giá trị

của Công ty và lợi ích của cổ đông. Đồng thời các phòng, ban sẽ thực hiện công tác quản trị và tương tác với các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai để đảm bảo hoạt động diễn ra hiệu quả nhất.

### Mối quan hệ với các công ty thuộc Tập đoàn

Các Công ty con như Trisedco là các đơn vị trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện thực hóa các chủ trương quyết định, chiến lược của Sao Mai và các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh của mình.

Mối quan hệ giữa Trisedco với Công ty mẹ và các thành viên thuộc Tập đoàn đều tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nhiệm vụ, quy trình, dự án cần sự phối hợp, giúp đỡ và hỗ trợ của nhiều phòng ban chức năng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên khác.



## TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021



Quản trị Công ty bao gồm các nguyên tắc, luật lệ, chính sách nhằm định hướng hoạt động vận hành và kiểm soát doanh nghiệp trên các khía cạnh: đảm bảo cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan, đảm bảo đối xử công bằng của Công ty. Quản trị công ty hiệu quả giúp thúc đẩy hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, hoạt động điều hành công ty được minh bạch, các nhà đầu tư được giảm thiểu rủi ro và được đối xử công bằng, là nền tảng cho năng lực cạnh tranh và danh tiếng của doanh nghiệp, từ đó thuận lợi trong việc tiếp cận thị trường vốn, phát triển thị trường tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Năm 2021 là một năm đầy thử thách, trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và vi mô có nhiều thay đổi, nhưng Công ty đã đưa ra những biện pháp quyết liệt để ứng phó, để thích nghi. Trisedco luôn không ngừng cải thiện những hạn chế trong công tác Quản trị công ty từ những năm trước, cập nhật các quy chế quy định nội bộ theo Pháp luật Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Trisedco được thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất tại Công ty đối với những vấn đề quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế QTCT và pháp luật hiện hành, HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng chiến lược và thực hiện các quyền, nghĩa vụ không thuộc phạm vi của ĐHĐCĐ

## TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

**05**SỐ LƯỢNG  
THÀNH VIÊN HĐQT**2021****02/05**SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN  
ĐỘC LẬP HĐQT**2021**

HĐQT của Trisedco gồm 05 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch, 1 Phó chủ tịch, 3 thành viên HĐQT (trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập).

Thông tin chi tiết các thành viên xem tại Chương 1

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	TV HĐQT	Ghi chú
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	
2	Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	
3	Lê Thanh Thuận	Thành viên HĐQT	Không điều hành	
4	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	Độc lập	
5	Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT	Độc lập	

Hội đồng quản trị có nghĩa vụ triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Toán nội bộ.

Trong năm 2021, số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên. Trong đó có 02/05 thành viên độc lập Hội đồng QT đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định

71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, góp phần đảm bảo tính khách quan, công bằng ngăn ngừa các xung đột lợi ích và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông đối với các quyết định của HĐQT, nâng cao chất lượng ra quyết định của HĐQT do đó các tiêu chí về yêu cầu đối với thành viên HĐQT được Công ty chú trọng thực hiện.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2021

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua các nội dung quan trọng liên quan đến các chiến lược phát triển của Trisedco và công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tiến hành chỉ đạo, điều hành sát sao, cộng thêm sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ nhân viên của Công ty nhằm thực hiện một cách hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ cụ thể như sau:

<b>01</b>	Chỉ tiêu kinh doanh: - Doanh thu thuần: 2.100.000.000.000 đồng - Lợi nhuận sau thuế: 40.000.000.000 đồng
<b>02</b>	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định đầu tư các dự án lớn
<b>03</b>	Lựa chọn Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
<b>04</b>	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
<b>05</b>	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
<b>06</b>	Ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT cũng đã thực hiện công tác lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua việc điều chỉnh nguồn thực hiện chia cổ tức và phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu.

## Hoạt động giám sát

Thực hiện theo đúng Quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy định, quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát như sau:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án của Công ty;
- Chỉ đạo, chủ trì và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2021;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ chế độ Báo cáo tài chính và Công bố thông tin trên thị trường;
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế nội bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### PHỐI HỢP CÙNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Căn cứ vào Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị của Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2021 như sau:

#### Với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thành công ĐHCĐ thường niên năm 2021, tờ trình ĐHCĐ được thông qua các kế hoạch kinh doanh, thông qua kế hoạch tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và triển khai thực hiện các dự án lớn của Công ty.

HĐQT thực hiện việc giám sát, rà soát Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược được hoạch định bởi HĐQT và ĐHCĐ nhằm mục đích hoàn thành các kế hoạch đề ra. HĐQT duy trì hoạt động giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua các hoạt động báo cáo định kỳ. Ngoài ra các vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc báo cáo kịp thời nhanh chóng, giúp HĐQT kịp thời chỉ đạo, đảm bảo ổn định hoạt động của Công ty.

Ban hành các chính sách, quyền lợi nhằm đảm bảo lợi ích cho người lao động. Có các chính sách thay đổi luân chuyển nhân sự nhằm phát huy tối đa khả năng làm việc của CB – CNV của Công ty.

#### Công khai minh bạch

Công bố thông tin đầy đủ kịp thời là điều kiện tiên quyết giúp xây dựng lòng tin trong nhà đầu tư, là cơ hội để doanh nghiệp giới thiệu đến công chúng, nhà đầu tư. Với tinh thần tuân thủ pháp luật, Trisedco luôn chú trọng đến việc tuân thủ các quy định về CBTT theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### Với Ban Kiểm toán nội bộ

Ngày 19/06/2020, ĐHCĐ của Công ty đã thông qua việc lựa chọn áp dụng mô hình không có Ban Kiểm soát, có Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và thành viên độc lập HĐQT.

Ban Kiểm toán nội bộ được thành lập ngày 19/06/2020 để hỗ trợ HĐQT thực hiện các chức năng giám sát tính trung thực các BCTC của Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ, hiệu quả hoạt động của quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ngoài ra nhằm tăng cường tính độc lập, hiệu quả trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện các chức năng giám sát của mình,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị công ty, trong năm 2021 Trisedco đã tiến hành tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên để thông qua các nội dung liên quan đến Quản trị công ty, kế hoạch kinh doanh và các nội dung quan trọng khác. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu hoạt động, quyền lợi của Cổ đông, Công ty cũng đã tiến hành các hoạt động lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Các nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua bao gồm:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
<b>I. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021</b>			
1	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021;</li> <li>- Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.</li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;</li> <li>- Thông qua kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;</li> <li>- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021</li> <li>- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư các dự án lớn, hoặc giao dịch mua bán tài sản của Công ty;</li> <li>- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;</li> <li>- Thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và dự kiến mức thù lao năm 2021;</li> <li>- Thông qua việc vay vốn tại các tổ chức tín dụng;</li> <li>- Thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty;</li> <li>- Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;</li> <li>- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để triển khai các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.</li> </ul>
<b>II. Nghị quyết ĐHĐCĐ (thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</b>			
2	02/2021/NQ-ĐHĐCĐ	26/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc điều chỉnh nội dung tại khoản 4.2 Điều 4 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;</li> <li>- Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019 và năm 2020;</li> <li>- Thông qua và ủy quyền cho HĐQT việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>- Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản Điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp sau khi có chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Thông nhất thông qua việc ủy quyền cho HĐQT công ty thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và năm 2020.</li> </ul>

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã thực hiện rất sát sao vai trò và nhiệm vụ của mình trong công tác xây dựng định hướng chiến lược phát triển, giám sát công việc kinh doanh và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Để thực hiện các vai trò và nhiệm vụ đó, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết thông qua các chủ trương, chính sách quan trọng cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	24/02/2021	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
2	02/2021/NQ-HĐQT	05/05/2021	Bổ nhiệm Giám đốc tài chính
3	03/2021/NQ-HĐQT	10/09/2021	Chia cổ tức năm 2019 và năm 2020
4	1004/2021/NQ-HĐQT	04/10/2021	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019 và năm 2020
5	04/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Chia cổ tức năm 2019 và năm 2020

### Tỷ lệ tham dự họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch	11/11	100%	
2	Nguyễn Văn Hưng	P. Chủ tịch	11/11	100%	
3	Lê Thanh Thuận	Thành viên	11/11	100%	
4	Trần Hiểu	Thành viên	11/11	100%	
5	Hoàng Thị Thanh	Thành viên	11/11	100%	

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu thành viên HĐQT của Trisedco trong năm 2021 đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT không điều hành và các thành viên HĐQT độc lập.

Các thành viên HĐQT không điều hành đóng vai trò quan trọng trong việc cố vấn chuyên môn, kỹ thuật và giúp Công ty tiếp cận các cơ hội của sản xuất kinh doanh.

Với năng lực và kinh nghiệm của các thành viên HĐQT, cũng như cơ cấu hiện hữu của HĐQT, toàn bộ các quyết định có thể được đưa ra một cách khách quan và độc lập.

### ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Trong năm 2022, trong bối cảnh có nhiều thay đổi về quy định của Pháp luật và tăng cường hội nhập quốc tế, HĐQT tập trung vào các định hướng quản trị sau:

- Đề cao tính hiệu quả trong quản trị, tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị dựa trên bốn cột trụ: công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, minh bạch.
- Tăng cường kiểm tra việc hạch toán, lập Báo cáo tài chính quý, năm.
- Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ nguồn, ưu tiên đào tạo và thăng tiến nội bộ.
- Tập trung đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh;
- HĐQT sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Công ty ngày càng phát triển.



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty bao gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hiện tại các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh điều hành tại Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động, kiểm tra, giám sát và kiến nghị trong lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao năng lực quản trị.

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Trần Thụy Thanh Thảo	Trưởng Ban	19/06/2020
2	Trần Bảo Đông	Thành viên	19/06/2020
3	Phạm Minh Hoàng	Thành viên	19/06/2020

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Đánh giá mức độ chính xác và mức độ hoàn thiện của những thông tin tài chính trước khi công bố.
- Giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán trong việc chuẩn bị các báo cáo tài chính.
- Kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2021.
- Đánh giá tính độc lập của Kiểm toán độc lập.
- Đánh giá quy trình lập báo tài chính hằng quý của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp với các đơn vị cùng ngành để cho cái nhìn tổng quát nhất.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và tư vấn kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục những sai sót và đưa ra những biện pháp hoàn thiện cũng như hiệu quả của các quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ.
- Tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.
- Đánh giá quy trình công bố thông tin đúng theo quy định.
- Thực hiện tự đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2021 của Ban Kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác liên quan chức năng kiểm toán trong Công ty do HĐQT giao phó.

### THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Trên cơ sở xem xét việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31/12/2021 theo các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính của Công ty.

Hệ thống chứng từ kế toán và sổ sách kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đúng theo quy định.

Các báo cáo tài chính trong năm 2021 đã được chấp thuận công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.



## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN	
Tổng số cổ phần	46.005.413 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	46.005.413 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phần

CỔ PHẦN	
Trên 5% sở hữu	36.457.564
Dưới 5% sở hữu	9.547.849

CỔ PHẦN			
STT	Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>46.002.338</b>	<b>99,99%</b>
	- Cá nhân	7.733.513	16,81%
	- Tổ chức	38.268.826	83,18%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3.075</b>	<b>0,01%</b>
	- Cá nhân	3.067	0,01%
	- Tổ chức	8	0,00%
<b>3</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.005.413</b>	<b>100%</b>

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU				
Đối tượng	Số lượng cổ phiếu hạn chế quyền chuyển nhượng	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>	-	<b>2.020.383</b>	<b>2.020.383</b>	<b>4,39%</b>
1. Hội đồng quản trị	-	2.017.731	2.017.731	4,39%
2. Ban Giám đốc	-	1.206	1.206	0,00%
3. Ban Kiểm toán nội bộ	-	360	360	0,00%
4. Giám đốc tài chính	-	-	-	0,00%
5. Kế toán trưởng	-	483	483	0,00%
6. Người được ủy quyền CBTT	-	603	603	0,00%
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	<b>0,00%</b>
<b>III. Công đoàn Công ty</b>	-	-	-	<b>0,00%</b>
<b>IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi</b>	-	-	-	<b>0,00%</b>
<b>V. Cổ đông khác</b>	-	<b>43.985.030</b>	<b>43.985.030</b>	<b>95,61%</b>
1. Trong nước	-	43.981.955	43.981.955	95,60%
1.1 Cá nhân	-	5.713.129	5.713.129	12,42%
1.2 Tổ chức	-	38.268.826	38.268.826	83,18%
Trong đó: Nhà nước	-	-	-	0,00%
2. Nước ngoài	-	3.075	3.075	0,01%
2.1 Cá nhân	-	3.067	3.067	0,01%
2.2 Tổ chức	-	8	8	0,00%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:** Trong năm 2021, Công ty không có thay đổi VCSH

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Tính đến 31/12/2021, Công ty không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.

**Các chứng khoán khác:** Không có

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

<b>DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT</b>			
<b>Tên tổ chức, cá nhân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI	Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	36.457.564	79,25%
Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	1.811.250	3,94%
Lê Thanh Thuấn	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	1.811.250	3,94%
Nguyễn Văn Hưng	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	60.978	0,13%
Lê Văn Chung	326 Hùng Vương, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang	145.503	0,32%
Lê Xuân Quế	45 Lê Lợi, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	40.451	0,09%
Trương Vĩnh Thành	Bình Khánh 7, Long Xuyên, An Giang	6.641	0,01%
Lê Văn Thành	706 Hà Hoàng Hổ, Long Xuyên, An Giang	19.440	0,04%
Võ Thị Hồng Tâm	326 Hùng Vương, Long Xuyên, An Giang	603	0,00%
Lê Văn Thủy	645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	106.018	0,23%
Phạm Đình Nam	19/4B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang	22.338	0,05%
Trần Văn Cừ	Bình Khánh, Mỹ Khánh, Long Xuyên, An Giang	33.447	0,07%
Võ Thị Thanh Tâm	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	-	0,00%
Võ Quốc Chánh	Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	-	0,00%
Võ Quốc Hưng	Thành Phố Hồ Chí Minh	-	0,00%
Nguyễn Thị Hà	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	24.150	0,05%
Nguyễn Hồng Ngự	49/30 Khúc Thừa Dụ, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	12.437	0,03%
Nguyễn Thị Diệu Hiền	Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	12.678	0,03%
Lê Văn Tinh	Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ	-	0,00%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>40.564.748</b>	<b>88,17%</b>

## CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKTNB

**LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

STT	Ban lãnh đạo	Vị trí	Thù lao năm 2020	
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			<b>Thời gian nắm giữ chức vụ trong HĐQT</b>
1	Lê Văn Chung	Chủ tịch	84.000.000	01/01/2021 – 31/12/2021
2	Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch	72.000.000	01/01/2021 – 31/12/2021
3	Lê Thanh Thuận	TV HĐQT	72.000.000	01/01/2021 – 31/12/2021
4	Trần Hiếu	TV HĐQT độc lập	27.500.000	01/01/2021 – 31/12/2021
5	Hoàng Thị Thanh	TV HĐQT độc lập	27.500.000	01/01/2021 – 31/12/2021
6	Lê Xuân Quế	TV HĐQT	39.000.000	Miễn nhiệm 19/06/2020
7	Trương Vĩnh Thành	TV HĐQT	39.000.000	Miễn nhiệm 19/06/2020
<b>II</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			<b>Thời gian nắm giữ chức vụ trong HĐQT</b>
1	Lê Văn Lâm	Tổng Giám Đốc	611.034.480	01/01/2021 – 31/12/2021
2	Lê Hoàng Cương	Phó Tổng Giám Đốc	342.787.750	01/01/2021 – 31/12/2021
3	Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng Giám Đốc	342.911.350	01/01/2021 – 31/12/2021
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm toán nội bộ</b>			<b>Thời gian nắm giữ chức vụ trong BKTNB</b>
1	Trần Thụy Thanh Thảo	Trưởng ban	0	01/01/2021 – 31/12/2021
2	Trần Bảo Đông	Thành viên	0	01/01/2021 – 31/12/2021
3	Phạm Minh Hoàng	Thành viên	0	01/01/2021 – 31/12/2021

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:** Trong năm 2021, không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào.

**HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:** Trong năm 2021, công ty không có bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ nào.

## QUẢN TRỊ RỦI RO

*Quản trị rủi ro là công cụ quan trọng để đảm bảo quản trị hiệu quả và sự phát triển bền vững tại Công ty Trisedco. Tại Trisedco, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được xác định là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro.*

### Vai trò và mục tiêu của quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là thiết lập quy trình mang tính hệ thống và có nguyên tắc được áp dụng để hoạch định chiến lược và được áp dụng trong Công ty, để phát hiện, đánh giá và quản lý những sự kiện có khả năng xảy ra ảnh hưởng tới chiến lược, mục tiêu kinh doanh của Công ty, từ đó vừa giảm thiểu tác động tiêu cực vừa nắm bắt cơ hội để phát triển. Với thị trường nhiều biến động thì việc gặp những rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh là điều thường xảy ra. Tuy nhiên, chúng ta có nhiều cách để tránh, giảm thiểu hoặc kiểm soát những hậu quả khi rủi ro xảy ra. Để làm được điều đó, mỗi doanh nghiệp phải có kế hoạch quản trị rủi ro rõ ràng.

Quản trị rủi ro được coi là công cụ quan trọng để Công ty hoàn thành chiến lược kinh doanh, đảm bảo quản trị hiệu quả và sự phát triển bền vững. Mục tiêu của quản trị rủi ro mà Trisedco xây dựng:

- Hỗ trợ hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra thông qua các công cụ quản trị rủi ro;
- Góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực hiệu quả;
- Giảm thiểu sai sót trong mọi khía cạnh vận hành;
- Xây dựng lòng tin và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhà đầu tư và các bên liên quan.
- Tăng cường năng lực trong việc đưa ra những chỉ đạo chiến lược, quyết định kinh doanh trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh và môi trường kinh doanh.

Đặc biệt trong năm 2021, trong bối cảnh môi trường kinh doanh gặp nhiều thách thức bởi dịch Covid – 19. Vai trò của quản trị rủi ro tại Công ty càng được phát huy, giúp Công ty nhanh chóng ứng phó được với diễn biến của dịch bệnh và tình hình kinh tế xã hội. Trong một năm đầy biến động,

Trisedco đã duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn trong sản xuất cho các CB-CNV. Đây là bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, hiện thực hóa chiến lược kinh doanh của Công ty.



### Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro

Bộ phận	Vai trò quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	Ban hành quy chế, chính sách quản trị rủi ro, quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của bộ máy quản trị rủi ro
Ban Tổng Giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro được thực thi
Ban Kiểm toán nội bộ	Phối hợp với các bộ phận chức năng thực hiện quản trị rủi ro bằng việc sử dụng các công cụ, quy trình đã được ban hành.

## QUẢN TRỊ RỦI RO

### QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH NĂM 2021

Trong năm 2021, Công ty đã phân tích, đánh giá và thực hiện quản lý các nhóm rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

#### RỦI RO VỀ PHÁP LÝ

Rủi ro về pháp lý là những rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp với các văn bản pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các văn bản luật và dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, thường xuyên có sự điều chỉnh. Mỗi sự thay đổi của chính sách đều có những tác động ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### *Giải pháp*

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống quy chế, quy trình nội bộ của công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Nhân viên kinh doanh rà soát lại các hợp đồng, các thỏa thuận đã ký kết. Cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến Công ty và phổ biến đến từng bộ phận của Công ty. Các bộ phận chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng hợp tác liên quan, liên kết, chính sách bán hàng,... Rà soát các văn bản, hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Công ty để hạn chế những rủi ro có liên quan

#### RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU

Hoạt động sản xuất bột cá rủi ro lớn về biến động thị trường cá Tra. Đối với sản phẩm cá Tra, nguy cơ lớn đến từ suy thoái môi trường, dịch bệnh phát triển. Tuy thời gian qua không xảy ra dịch bệnh lớn nhưng bệnh cá vẫn xảy ra thường xuyên trong quá trình nuôi. Từ đó, trong những năm gần đây thị trường phụ phẩm đang rất khan hiếm sẽ làm giá phụ phẩm đẩy lên mức cao khiến cho giá thành các yếu tố đầu vào tăng cao. Lệ thuộc vào một số ít các nhà cung cấp nguyên liệu.

##### *Giải pháp*

Đối với thương mại bột cá, mua hàng lúc giá thấp để trữ hàng. Đồng thời phải dự báo chính xác những đợt sóng tăng giá để tung hàng ra thị trường nhanh chóng kịp thời.

#### RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro tài chính bao gồm rủi ro về tín dụng và lãi suất, tỷ giá. Rủi ro tín dụng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và các hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái và các công cụ tài chính khác NHNN áp dụng tỷ giá trung tâm hằng ngày để làm cơ sở tham khảo cho tỷ giá mua bán của các NHTM về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND và USD, tỷ giá tính chéo của VND và các ngoại tệ khác. Với Trisedco vấn đề xuất khẩu là hướng kinh doanh chính, chủ đạo và lượng ngoại tệ chủ yếu là USD, thì biến động tỷ giá hối đoái sẽ là vấn đề đáng quan tâm của Công ty. Rủi ro thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến nợ vay ngắn hạn có lãi suất cũng như các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

##### *Giải pháp*

Để kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng, Công ty xem xét đánh giá định kỳ sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của các khoản phải thu khách hàng tiền gửi, công cụ tài chính. Mặc dù trong năm qua tỷ giá khá ổn định với biên độ biến động so với đầu năm nhưng với cơ chế điều hành tỷ giá trung tâm, biến động khó ổn định, Công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện và thời gian thanh toán để có biện pháp cân đối ngoại tệ phù hợp. Thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ thông qua mối quan hệ giữa các ngân hàng. Thực hiện hợp đồng L/C để khách hàng đảm bảo thanh toán phòng ngừa rủi ro. Công ty luôn chủ động định hướng trong cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu cho phù hợp với từng thời điểm hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với các thời điểm của thị trường tín dụng. Trisedco quản lý rủi ro thông quan theo dõi chặt chẽ thị trường tiền tệ, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính, phân tích độ nhạy và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược đầu tư tài chính theo tình hình hiện tại và kiểm soát rủi ro lãi suất nằm trong giới hạn quản lý của mình.


**QUẢN TRỊ RỦI RO**
**QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH NĂM 2021****RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG**

Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu đã diễn ra khá tiêu cực, những rủi ro liên quan như về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn tiến sâu vào nội đồng ảnh hưởng trực tiếp đến vùng nuôi trồng thủy sản. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh từ phụ phẩm cá Tra, Trisedco vẫn ít nhiều ảnh hưởng bởi môi trường chung cũng như không thể thay đổi được những tác động từ thiên nhiên.

*Giải pháp*

Định kỳ hàng quý, năm tiến hành kiểm tra, đo đạc các chỉ số về nước thải, khí thải,... để đảm bảo về môi trường cũng như việc xả thải ra môi trường bên ngoài. Đồng thời đưa ra những giải pháp xử lý kịp thời đối với các sự cố tác động tới môi trường trong những trường hợp cấp bách. Mua bảo hiểm cho hàng hóa vận chuyển để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Đồng thời các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo quy định Nhà nước về đăng kiểm và kiểm định.

**RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG**

Ngành nghề kinh doanh chính là bột cá – mỡ cá của Trisedco có mức độ cạnh tranh cao. Thị trường Trung Quốc đang là thị trường tiêu thụ bột cá lớn nhất hiện nay, trong tương lai có nhiều doanh nghiệp sẽ có được giấy phép xuất khẩu bột cá sang thị trường này, từ đó ảnh hưởng đến việc xuất khẩu bột của Trisedco là rất lớn.

*Biện pháp*

Chỉ tiêu chất lượng là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà Trisedco hướng đến. Lấy uy tín về chất lượng làm nền tảng để duy trì và mở rộng thị phần. Phân tích và đưa ra các giải pháp để phòng ngừa các mối nguy ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa trong quá trình sản xuất. Xây dựng các quy trình hoạt động để kiểm soát các sai sót có thể xảy ra. Không ngừng mở rộng thị trường để phân tán rủi ro.

**RỦI RO VỀ DỊCH BỆNH**

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp chịu tác động lớn bởi dịch tả lợn Châu Phi vẫn còn lan rộng. Đây là dịch bệnh gây thiệt hại lớn đối với ngành chăn nuôi. Trước những thực tế ngành chăn nuôi vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức: năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp,... Nguyên nhân chính của tình trạng này là do nhận thức về phòng chống dịch bệnh của người chăn nuôi còn chủ quan, lơ là và thiếu trách nhiệm.

Năm 2021, sự bùng phát trở lại của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid – 19 làm dấy lên lo ngại đối với nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Do đây là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, Việt Nam và các nước trên thế giới đã và đang áp dụng nhiều biện pháp mạnh để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Giải pháp*

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và quyết định là vấn đề chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt là những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, như lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm.

Đối với dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid - 19 do Virus Corona gây ra, hiện dịch bệnh vẫn đang tiếp tục bùng phát và tiếp diễn trên toàn cầu với nhiều biến chủng khác nhau. Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong thời gian qua, Trisedco đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ theo những khuyến cáo của Bộ Y Tế để giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh trong mọi hoạt động kinh doanh tại Công ty, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

## TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Tại Trisedco, chúng tôi quan niệm rằng một doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả là một doanh nghiệp có khả năng tạo ra giá trị bền vững, đảm bảo sự phát triển không ngừng trong tương lai.*



### Đối với người lao động

Con người được xác định là tài sản có giá trị nhất, là động lực tạo nên lợi thế cạnh tranh bền vững của Trisedco. Do đó, Công ty luôn ưu tiên các nguồn lực để bồi dưỡng đội ngũ nhân sự giàu có cả về tri thức và văn hóa, xây dựng nên môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo cơ hội cho tất cả cán bộ công nhân viên. Thực hành các chính sách phúc lợi ưu việt, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả CB-CNV

### Đối với khách hàng

Nhận thức sâu sắc rằng khách hàng chính là người mang lại lợi ích chính cho Trisedco, Công ty lấy sự hài lòng của khách hàng là thước đo thành công.

### Đối với nhà đầu tư

Thông qua thực hiện hóa các mục tiêu và chiến lược kinh doanh, Trisedco sẽ gia tăng giá trị doanh nghiệp, đem lại lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư, đề cao tinh thần hợp tác và cùng phát triển.

### Đối với xã hội

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Sống và tư duy tích cực, thể hiện trình độ văn hóa cao, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển văn minh xã hội. Tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường.

### Đối với đối tác kinh doanh

Trisedco xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác kinh doanh dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng. Chúng tôi nỗ lực hoàn thành các cam kết với đối tác, sẵn sàng liên doanh, liên kết, đồng hành.



## CÁC YẾU TỐ TRỌNG YẾU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu cho sản xuất tại Công ty Trisedco luôn luôn là một trong những yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty. Để chủ động hơn với nguồn nguyên liệu là phụ phẩm cá Tra/ cá Basa, các Công ty thủy sản thuộc đơn vị Tập đoàn Sao Mai, với các vùng nuôi khép kín luôn luôn đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng. Do đó, đây là yếu tố quan trọng nhất tác động mạnh mẽ làm tăng thêm tính cạnh tranh cho các mặt hàng của Trisedco với giá thành sản xuất hợp lý.

Sản phẩm mỡ cá thô được sản xuất từ phụ phẩm cá Tra/ cá Basa sẽ được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm dầu cá tinh luyện. Có thể nói đây là một quy trình khép kín và sẽ đảm bảo được sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu cho nhà máy dầu cá Ranee. Từ đó, việc quản lý chất lượng nguyên liệu được kiểm soát chặt chẽ hơn,... Với những địa thế và vị trí trung tâm của các nguồn sản xuất và cung ứng sản phẩm cá Tra/ cá Basa tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, và cũng là khu vực có số lượng nuôi trồng và cung ứng cá lớn nhất cả nước, và các nguồn nguyên liệu được cung cấp luôn có độ tươi rất cao do khoảng cách vận chuyển phụ phẩm không quá 60 phút. Đây chính là những yếu tố tác động lớn cho tính cạnh tranh của các sản phẩm từ nhà máy Trisedco khi so sánh với các nhà máy bột khác trong khu vực lân cận.

### Nguồn nước

Với đặc thù hoạt động của công ty, nguồn nước sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty và sử dụng nước cho sinh hoạt.

Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng. Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cấp nước chủ yếu của Trisedco chủ yếu từ hai nguồn là: nguồn nước sử dụng từ giếng khoan của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI cấp sang và nguồn nước sinh hoạt do công ty Cấp nước huyện Lấp Vò cung cấp. Lượng nước sử dụng trung bình 300m<sup>3</sup> ngày/đêm.

### Tiêu thụ năng lượng

Chi phí năng lượng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, tiết kiệm năng lượng là mục tiêu hàng đầu trong sản xuất để mang lại lợi nhuận cao hơn. Trong năm 2021, Công ty luôn thực hiện chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công ty và cả tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Công ty luôn nhắc nhở nhân viên thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong công ty như: thực hiện theo khẩu hiệu “tắt khi không sử dụng”, các phòng ban chỉ được sử dụng điều hòa từ 9h sáng đến 4h chiều.

Công ty sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu:

- Năng lượng trực tiếp: sử dụng năng lượng điện cung cấp cho sản xuất khoảng 200.000kwh/tháng.
- Năng lượng gián tiếp: hơi nước bão hòa được cung cấp từ 02 lò hơi có công suất 15 tấn/lò/giờ. Nhiên liệu đốt là trấu xá. Trung bình mỗi tháng sử dụng khoảng 1.100 tấn trấu xá/tháng.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Kiểm toán độc lập:

❖ Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

- Điện thoại: (84.8) 38205944 fax: (84.8) 38205942

- Website: aascs.com.vn

❖ Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính.

*(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán được đính kèm ở phần sau Báo cáo thường niên này).*

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 03 năm 2022

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT, QHCD.





Member of MSI Global Alliance

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH  
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Đơn vị kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
**THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE**  
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04 - 04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 39



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 29 tháng 07 năm 2019.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **460.054.130.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

Sản lắp đặt bằng: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

##### **Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông: Lê Văn Chung	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông: Lê Thanh Thuận	Thành viên
Bà: Hoàng Thị Thanh	Thành viên độc lập
Ông: Trần Hiếu	Thành viên độc lập

##### **Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

Ông: Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc
Ông: Lê Hoàng Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

##### **Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:**

Bà: Trần Thụy Thanh Thảo
Ông: Trần Bảo Đông
Ông: Phạm Minh Hoàng

729-6  
CÔNG TY  
HH  
DU LỊCH VÀ  
PHÁT TRIỂN  
THỦY SẢN  
KẾ TOÁN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
5650 - C  
DU LỊCH  
PHÁT TRIỂN  
THỦY SẢN  
★  
ĐỒNG THÁP

**Dại diện theo pháp luật:**

Ông: Lê Văn Lâm Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng:**

Ông: Nguyễn Gia Thuận

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày kết thúc ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

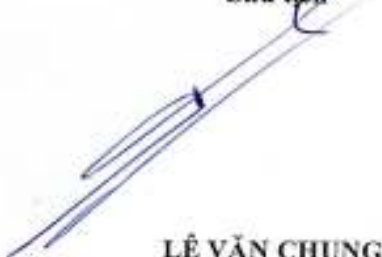
**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2022

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

  
LÊ VĂN CHUNG

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

  
  
LÊ VĂN LÂM

Số ~~158~~/BCKT/TC/2022/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kiểm toán viên

LÊ VĂN TÂN

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 4318-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.151.880.205.926</b>	<b>1.095.775.692.026</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	115.943.247.969	353.827.152.955
111	1. Tiền		115.943.247.969	183.439.299.395
112	2. Các khoản tương đương tiền			170.387.853.560
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>387.807.327.432</b>	<b>164.888.636.414</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		387.807.327.432	164.888.636.414
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>534.608.256.362</b>	<b>465.011.425.186</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	469.398.049.825	346.127.112.056
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		56.010.307.921	103.363.618.921
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	9.199.898.616	15.520.694.199
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.05</b>	<b>110.683.280.170</b>	<b>107.219.044.648</b>
141	1. Hàng tồn kho		110.683.280.170	107.219.044.648
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.838.093.993</b>	<b>4.829.432.823</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11	26.348.716	44.633.729
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.811.745.277	4.784.799.094
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>474.367.167.229</b>	<b>543.390.422.959</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.233.807.000</b>	<b>9.705.463.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	7.233.807.000	9.705.463.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>255.816.027.830</b>	<b>308.076.440.104</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	58.494.799.587	69.751.198.854
222	- Nguyên giá		143.918.825.318	143.659.734.409
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(85.424.025.731)	(73.908.535.555)
224	2. Tài sản cố định thuê,tài chính	V.08	161.740.715.643	201.780.987.986
225	- Nguyên giá		207.793.221.318	269.988.983.613
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(46.052.505.675)	(68.207.995.627)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	35.580.512.600	36.544.253.264
228	- Nguyên giá		41.663.891.750	41.663.891.750
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.083.379.150)	(5.119.638.486)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.10</b>	<b>137.491.392.125</b>	<b>134.465.414.751</b>
231	- Nguyên giá		198.711.243.949	178.508.801.436
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(61.219.851.824)	(44.043.386.725)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>V.06</b>	<b>55.793.142.238</b>	<b>48.618.072.238</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		55.793.142.238	48.618.072.238
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>16.418.973.891</b>	<b>42.228.973.891</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.418.973.891	6.418.973.891
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	35.810.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.613.824.145</b>	<b>296.058.975</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.613.824.145	296.058.975
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.626.247.373.155</b>	<b>1.639.166.114.985</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>942.687.659.811</b>	<b>992.893.139.504</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>868.496.874.843</b>	<b>841.367.543.440</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	131.226.216.655	25.896.295.018
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.102.561.354	796.918.214
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.053.280.325	6.033.239.053
314	4. Phải trả người lao động			
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	1.602.081.595	1.628.262.003
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	6.375.798.644	4.792.967.964
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	722.061.474.737	800.144.399.655
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.075.461.533	2.075.461.533
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>74.190.784.968</b>	<b>151.525.596.064</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	74.190.784.968	151.525.596.064
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.17	683.559.713.344	646.272.975.481
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		675.929.692.144	639.537.320.981
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		460.054.130.000	460.054.130.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		460.054.130.000	460.054.130.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		14.938.913.882	12.342.882.956
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		10.787.990.816	8.191.959.890
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.787.990.816	8.191.959.890
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		179.360.666.630	150.756.388.245
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		144.700.216.246	98.835.769.721
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		34.660.450.384	51.920.618.524
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	V.18	7.630.021.200	6.735.654.500
431	1. Nguồn kinh phí		7.630.021.200	6.735.654.500
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.626.247.373.155</b>	<b>1.639.166.114.985</b>



Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



*(Signature)*

*(Signature)*

*(Signature)*

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN LÂM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	2.259.977.295.424	2.159.885.103.816
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	5.354.440	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.259.971.940.984	2.159.885.103.816
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	2.173.050.227.026	2.046.150.706.417
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.921.713.958	113.734.397.399
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	22.046.952.608	31.514.939.373
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	53.111.687.883	69.245.533.980
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		52.972.619.514	67.766.046.630
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	7.731.330.323	11.466.120.364
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	8.302.777.138	6.514.450.351
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.822.871.222	58.023.232.077
31	11. Thu nhập khác	VI.07	33.768.250	83
32	12. Chi phí khác	VI.08	396.060.356	349.281.448
40	13. Lợi nhuận khác		(362.292.106)	(349.281.365)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.460.579.116	57.673.950.792
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	4.800.128.732	5.753.332.191
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.660.450.384	51.920.618.521
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	753	1.129
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	753	1.129

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





LÊ VĂN LÂM

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>39.460.579.116</b>	<b>57.673.950.712</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		50.749.628.596	51.744.904.778
03	- Các khoản dự phòng			(15.555.000.000)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(984.289.990)	86.686.817
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.518.599.271)	(31.514.939.373)
06	- Chi phí lãi vay		52.972.619.514	67.766.046.630
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>121.679.937.965</b>	<b>130.201.649.564</b>
08	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(65.248.410.582)	131.923.969.331
09	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.464.235.522)	(44.100.238.069)
10	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		99.783.628.113	(35.570.110.456)
11	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.299.480.157)	(118.060.826)
12	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
13	- Tiền lãi vay đã trả		(51.674.770.362)	(66.137.784.627)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.862.834.620)	(8.671.884.141)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		894.366.700	6.735.654.500
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>95.808.201.535</b>	<b>114.263.195.276</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.086.508.730)	(83.858.466.599)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		25.000.000.000	
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(787.143.691.018)	(308.078.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		590.035.000.000	404.093.000.000
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.614.888.494	28.558.456.344
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(155.580.311.254)</b>	<b>40.714.989.745</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		1.568.750.748.023	1.859.095.777.957
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(1.699.717.819.687)	(1.792.378.232.335)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(47.454.432.262)	(47.108.582.338)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(178.421.503.926)	19.608.963.284
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(238.193.613.645)	174.587.148.305
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		353.827.152.955	178.750.094.398
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		309.708.659	489.910.252
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>115.943.247.969</b>	<b>353.827.152.955</b>

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN LÂM

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 29 tháng 07 năm 2019.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch An Giang; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **460.054.130.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản lắp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con:

*Không có*

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

*Không có*

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

###### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

###### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### 2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

###### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

###### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**+ Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 12 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## 13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tăng vốn góp, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## 14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*- Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*- Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**15 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**16 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**17 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### 18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### 19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt quá số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm (Theo thông tư 78/2014/TT-BTC, ngày 18/06/2014, hướng dẫn nghị định số 128/2013/NĐ-CP, ngày 26/12/2013, từ ngày 01/01/2016 áp dụng thuế suất 17%, thay cho việc đang áp dụng thuế suất là 20%). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2017). Từ năm 2015, Công ty lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo ngành nghề (Theo Khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC, ngày 22/06/2015) cụ thể như sau: Thuế suất 10% trên thu nhập của phần sản xuất của Nhà máy và thuế suất phổ thông (Năm 2015 thuế suất là 22%, từ năm 2016 thuế suất là 20%) trên thu nhập của phần thương mại và dịch vụ.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### 20 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### 21 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 22 . Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>79.524.395</b>	<b>79.913.124</b>
- VND	79.524.395	79.913.124
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>115.863.723.574</b>	<b>183.359.386.271</b>
- Tiền gửi (VND)	108.771.267.455	182.415.582.429
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đồng Tháp	10.194.943.397	105.873.405
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	219.087.381	29.839.125
+ Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	1.868.682	2.169.178
+ Tài khoản CK Sacombank	734.637	734.637
+ Ngân hàng ĐT PT An Giang	768.491	997.575
+ Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - Cần Thơ	80.376.067	93.172.755
+ Ngân hàng TMCP Bán Việt	3.269.876	3.395.203
+ Ngân hàng HD Bank	5.121.899.361	45.338.846
+ Ngân hàng Nam á	134.258.089	10.142.408.243
+ Ngân hàng Công Thương VN - Đồng Tháp		16.675.341
+ Ngân hàng Công Thương VN - Cao Lãnh	114.055.700	
+ Ngân hàng Công Thương VN - Sa Đéc	398.496.989	
+ Ngân hàng ĐT & PT VN cn Bến Nghé	62.400.663.201	84.842.130.321
+ Ngân hàng TMCP Saigon AG	22.258.719	104.819.294
+ Ngân hàng ĐT & PT VN cn Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.590.351	1.784.903
+ Ngân hàng VP bank cn An Giang	73.983.249	9.154.902.763
+ Ngân hàng VP bank cn An Giang	2.695.534	20.002.745.113
+ Ngân hàng Á Châu Sa Đéc	104.521.304	27.063.664.231
+ Ngân TP bank cn An Giang	18.541.763.009	19.394.292.381
+ Ngân hàng BPCE	11.185.447.158	11.241.948.915
+ Ngân hàng TNHH CTBC	163.915.423	163.549.202
+ Ngân hàng Quốc Dân	4.670.837	5.140.998
- Tiền gửi (USD)	7.092.456.119	943.803.842
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	828.396.015	593.165.301
+ Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	7.219.670	7.345.631
+ Ngân hàng Hàng Hải	51.298.165	67.905.107
+ Ngân hàng Á Châu CN SadeC	53.096.234	4.336.569
+ Ngân hàng TP bank CN An Giang	165.440.894	11.901.493
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé	5.613.544.078	4.895.168
+ Ngân hàng TNHH CTBC	9.927.187	10.100.387
+ Ngân hàng Quốc Dân	2.264.000	2.303.500
+ Ngân hàng VP bank	6.870.787	6.990.662
+ Ngân hàng PBCE	6.910.181	7.030.743
+ Ngân hàng HD bank	96.285.203	82.575.638
+ Ngân hàng Nam Á - CN C.Thơ	245.659.622	139.612.832
+ Ngân hàng CCB	5.544.083	5.640.811
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		<b>170.387.853.560</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)		170.387.853.560
+ Ngân hàng TP bank		60.000.000.000
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé		7.103.000.000
+ Ngân hàng ACB		10.000.000.000
+ Ngân hàng CTBC		2.284.853.560
+ Ngân hàng VP bank		91.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>115.943.247.969</b>	<b>353.827.152.955</b>

501172  
CÔNG T  
TNHH  
H VU T  
HÌNH K  
KIỂM T  
PHÍA N  
T.P HỒ

895650  
CÔNG TY CP  
DU LỊCH  
ÁT TRI  
Y SẢN  
T. ĐỒNG

**02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a1) Ngân hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)	387.807.327.432	387.807.327.432	164.888.636.414	164.888.636.414
+ Ngân hàng Hàng Hải	10.000.000.000	10.000.000.000	164.888.636.414	164.888.636.414
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé	27.558.837.458	27.558.837.458	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ngân hàng CTBC	3.498.489.974	3.498.489.974	1.213.636.414	1.213.636.414
+ Ngân hàng Nam Á	20.000.000.000	20.000.000.000		
+ Ngân hàng PBCE	21.150.000.000	21.150.000.000	24.675.000.000	24.675.000.000
+ Ngân hàng VP bank	173.600.000.000	173.600.000.000	109.000.000.000	109.000.000.000
+ Ngân hàng HD bank	20.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng TP bank	112.000.000.000	112.000.000.000		
<b>a2) Dài hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)	10.000.000.000	10.000.000.000	35.810.000.000	35.810.000.000
+ Trái phiếu	10.000.000.000	10.000.000.000	35.810.000.000	35.810.000.000
+ Ngân hàng BIDV Bến Nghé			5.810.000.000	5.810.000.000
+ Ngân hàng Nam Á			20.000.000.000	20.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>397.807.327.432</b>	<b>397.807.327.432</b>	<b>200.698.636.414</b>	<b>200.698.636.414</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính (*)	6.418.973.891	6.418.973.891	6.418.973.891	6.418.973.891
<b>Cộng</b>	<b>6.418.973.891</b>	<b>6.418.973.891</b>	<b>6.418.973.891</b>	<b>6.418.973.891</b>

**Chú thích:**

(\*) Do Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.





**03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>469.398.049.825</b>		<b>346.127.112.066</b>	
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	271.776.742.674		215.221.934.256	
+ China National Township Enterprises Corporation	5.410.960.000			
+ Công ty CP XK Thủy Hải Sản Sạch	186.509.921.660		129.170.051.660	
+ Đối tượng khác	5.700.425.491		1.735.126.150	
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>469.398.049.825</b>		<b>346.127.112.066</b>	

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

**04 . PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.199.898.616</b>		<b>15.520.694.199</b>	
Tạm ứng	1.242.435.834		3.928.135.834	
Phải thu khác	7.957.462.782		11.592.558.365	
+ Lãi tiền gửi dự thu	1.942.156.513		2.038.445.736	
+ Công ty cho thuê TC TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN TP.HCM	203.550.898		407.101.810	
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	5.656.147.111		9.029.552.579	
+ Đối tượng khác	155.608.260		117.458.240	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.233.807.000</b>		<b>9.705.463.000</b>	
Ký cược, ký quỹ	7.233.807.000		9.705.463.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.433.705.616</b>		<b>25.226.157.199</b>	

**05 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	1.070.072.089		1.096.420.396	
- Thành phẩm	67.383.315.328		43.450.268.409	
- Hàng hóa	42.229.892.753		62.672.355.843	
<b>Cộng</b>	<b>110.683.280.170</b>		<b>107.219.044.648</b>	

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

**06 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Mua sắm	44.960.714.000		44.960.714.000	
+ Dây chuyền Shortening & Margarine	44.960.714.000		44.960.714.000	
Xây dựng cơ bản	10.108.441.109		2.981.371.109	
+ Dự án bột nêm	10.108.441.109		2.981.371.109	
Chi phí khác	723.987.129		675.987.129	
<b>Cộng</b>	<b>55.793.142.238</b>		<b>48.618.072.238</b>	

**07 . TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCD khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	77.617.184.809	58.909.831.510	7.009.136.272	123.581.818		143.659.734.409
2. Số tăng trong năm		75.435.990.000	259.090.909			75.695.080.909
- Mua trong năm			259.090.909			259.090.909
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Mua lại TSCD thuế tài chính		75.435.990.000				75.435.990.000
3. Số giảm trong năm		75.435.990.000				75.435.990.000
- nhượng bán, thanh lý						
- Bán và thuê lại tài sản là thuế tài chính		75.435.990.000				75.435.990.000
4. Số dư cuối năm	77.617.184.809	58.909.831.510	7.268.227.181	123.581.818		143.918.825.318
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	34.081.811.377	34.461.477.730	5.241.664.630	123.581.818		73.908.535.555
2. Khấu hao trong năm	3.758.561.688	50.313.612.342	692.738.755			54.764.912.785
- Khấu hao trong năm	3.758.561.688	7.264.244.365	692.738.755			11.715.544.808
- Mua lại TSCD thuế tài chính		43.049.367.977				43.049.367.977
- Phân loại lại						
3. Giảm trong năm		43.249.422.609				43.249.422.609
- nhượng bán, thanh lý						
- Chuyển sang BDS đầu tư		43.249.422.609				43.249.422.609
- Phân loại lại						
4. Số dư cuối năm	37.840.373.065	41.525.667.463	5.934.403.385	123.581.818		85.424.025.731
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	43.535.373.432	24.448.353.780	1.767.471.642			69.751.198.854
2. Tại ngày cuối năm	39.776.811.744	17.384.164.047	1.333.823.796			58.494.799.587

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCD hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 25.530.413.729 VND
- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 41.031.166.538 VND
- Nguyên giá TSCD cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCD hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.



**08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>18.925.967.447</b>	<b>251.063.016.166</b>				<b>269.988.983.613</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>		<b>32.116.195.152</b>				<b>32.116.195.152</b>
- Thuế tài chính trong năm		32.116.195.152				32.116.195.152
- Tăng khác						
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>18.925.967.447</b>	<b>75.385.990.000</b>				<b>94.311.957.447</b>
- Thanh lý TSCĐ thuế tài chính	18.925.967.447	75.385.990.000				94.311.957.447
- Phân loại lại						
- Giảm khác						
<b>4. Số dư cuối năm</b>					<b>207.793.221.318</b>	<b>207.793.221.318</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>5.256.229.468</b>	<b>62.951.766.159</b>				<b>68.207.995.627</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>1.804.613.745</b>	<b>26.150.107.493</b>				<b>27.954.721.238</b>
- Khấu hao trong năm	1.804.613.745	26.150.107.493				27.954.721.238
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Tăng khác						
<b>3. Giảm trong năm</b>	<b>7.060.843.213</b>	<b>43.049.367.977</b>				<b>50.110.211.190</b>
- Thanh lý TSCĐ thuế tài chính	7.060.843.213	43.049.367.977				50.110.211.190
- Phân loại lại						
<b>4. Số dư cuối năm</b>		<b>46.052.505.675</b>				<b>46.052.505.675</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>13.669.737.979</b>	<b>188.111.250.007</b>				<b>201.780.987.986</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>161.740.715.643</b>	<b>161.740.715.643</b>				<b>161.740.715.643</b>

**Ghi chú:**

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 8.836.932.917 VND

- Các cơ chế xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuế tài chính.

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuế tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**09. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	41.603.891.750			60.000.000		41.663.891.750
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	41.603.891.750			60.000.000		41.663.891.750
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	5.059.638.486			60.000.000		5.119.638.486
2. Khấu hao trong năm	963.740.664					963.740.664
- Khấu hao trong năm	963.740.664					963.740.664
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	6.023.379.150			60.000.000		6.083.379.150
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	36.544.253.264					36.544.253.264
2. Tại ngày cuối năm	35.580.512.600					35.580.512.600

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 35.281.441.000 VND



**10. TĂNG, GIẢM BÁT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a) BĐS đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>178.508.801.476</b>	<b>20.202.442.473</b>		<b>198.711.243.949</b>
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	161.254.074.203	20.202.442.473		181.456.516.676
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>44.043.386.725</b>	<b>17.176.465.099</b>		<b>61.219.851.824</b>
- Quyền sử dụng đất	2.350.676.874	392.211.852		2.742.888.726
- Nhà	41.692.709.851	16.784.253.247		58.476.963.098
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>134.465.414.751</b>			<b>137.491.392.125</b>
- Quyền sử dụng đất	14.904.050.399			14.511.838.547
- Nhà	119.561.364.352			122.979.553.578
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 71.514.033.639 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: Không có

011729-C  
 CÔNG TY  
 ĐẦU TƯ VÀ  
 PHÁT TRIỂN  
 THỦY SẢN  
 KIỂM TOÁN  
 HIA NAM  
 HỒ CHÍ MINH  
 195650-C  
 CÔNG TY CP  
 ĐẦU TƯ VÀ  
 PHÁT TRIỂN  
 THỦY SẢN  
 ĐỒNG THÁP

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>26.348.716</b>	<b>44.633.729</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.932.898	18.000.000
Chi phí khác	8.415.818	26.633.729
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.613.824.145</b>	<b>296.058.975</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.113.999	296.058.975
Chi phí khác	1.598.710.146	
<b>Cộng</b>	<b>1.640.172.861</b>	<b>340.692.704</b>

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

a) Vay ngắn hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	567.966.579.705	567.966.579.705	1.372.432.945.261	1.527.188.740.211	722.722.374.655	722.722.374.655
Vay ngắn hạn - USD	129.936.781.397	129.936.781.397	212.701.585.873	160.186.829.476	77.422.025.000	77.422.025.000
<b>Cộng</b>	<b>697.903.361.102</b>	<b>697.903.361.102</b>	<b>1.585.134.531.134</b>	<b>1.687.375.569.687</b>	<b>800.144.399.655</b>	<b>800.144.399.655</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	12.000.000.000	12.000.000.000		29.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000
Trên 5 năm						
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>		<b>29.000.000.000</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>41.000.000.000</b>



c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính
Từ 1 năm trở xuống	17.736.948.296	944.956.042	16.791.992.254	53.746.093.115
Trên 1 năm đến 5 năm	38.554.416.883	7.891.976.875	30.662.440.008	6.408.628.476
Trên 5 năm				
<b>Cộng</b>	<b>56.291.365.179</b>	<b>8.836.932.917</b>	<b>47.454.432.262</b>	<b>60.154.721.591</b>
				<b>12.247.732.577</b>
				<b>41.498.360.538</b>
				<b>798.406.676</b>
				<b>5.610.221.800</b>
				<b>13.046.139.253</b>
				<b>47.108.582.338</b>

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	24.158.113.635	24.158.113.635		
Lãi thuế tài chính phải trả	24.158.113.635	24.158.113.635		
<b>Dài hạn</b>	<b>62.190.784.968</b>	<b>62.190.784.968</b>	<b>110.525.596.064</b>	<b>110.525.596.064</b>
Gốc nợ thuế tài chính	62.190.784.968	62.190.784.968	110.525.596.064	110.525.596.064
Lãi thuế tài chính phải trả				
<b>Cộng</b>	<b>86.348.898.603</b>	<b>86.348.898.603</b>	<b>110.525.596.064</b>	<b>110.525.596.064</b>

d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có



**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>131.226.216.655</b>	<b>131.226.216.655</b>	<b>25.896.295.018</b>	<b>25.896.295.018</b>
- Công ty TNHH Năng lượng Định Việt	2.282.984.380	2.282.984.380	699.765.000	699.765.000
- FH Scandinox A/S	126.319.887.595	126.319.887.595	7.498.746.780	7.498.746.780
- Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	112.308.000	112.308.000	13.630.047.188	13.630.047.188
- Rongcheng Pingfang Fishery Machinery Co.,Ltd	2.511.036.680	2.511.036.680	619.608.350	619.608.350
- Đối tượng khác			3.448.127.700	3.448.127.700
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>131.226.216.655</b>	<b>131.226.216.655</b>	<b>25.896.295.018</b>	<b>25.896.295.018</b>

**c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán

**d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03**

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.754.542.543	3.068.207.953	4.862.834.620	3.959.915.876
Thuế thu nhập cá nhân	61.950.990	64.767.800	63.085.425	63.633.365
Thuế GTGT	216.745.520		187.014.436	29.731.084
Thuế, phí, lệ phí khác				
<b>Cộng</b>	<b>6.033.239.053</b>	<b>3.132.975.753</b>	<b>5.112.934.481</b>	<b>4.053.280.325</b>

**Ghi chú:**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay trích trước	1.602.081.595	1.628.262.003
<b>Cộng</b>	<b>1.602.081.595</b>	<b>1.628.262.003</b>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.375.798.644</b>	<b>4.792.967.964</b>
Kinh phí công đoàn	455.798.644	372.967.964
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	920.000.000	4.420.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.000.000.000	
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>6.375.798.644</b>	<b>4.792.967.964</b>



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>5.078.365.748</b>	<b>5.078.365.748</b>	<b>9.229.288.814</b>	<b>109.908.472.929</b>	<b>589.348.623.239</b>
Lãi trong năm trước					51.920.618.521	51.920.618.521
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Trích quỹ từ lợi nhuận		3.113.594.142	3.113.594.142	3.113.594.142	(9.340.782.426)	
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
				(1.731.920.779)		(1.731.920.779)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>8.191.959.890</b>	<b>8.191.959.890</b>	<b>12.342.882.956</b>	<b>150.756.388.245</b>	<b>639.537.320.981</b>
Lãi trong năm nay					34.660.450.384	34.660.450.384
Tăng do trích từ lợi nhuận						
Tăng khác					1.731.920.779	1.731.920.779
Trích quỹ từ lợi nhuận		2.596.030.926	2.596.030.926	2.596.030.926	(7.788.092.778)	
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>10.787.990.816</b>	<b>10.787.990.816</b>	<b>14.938.913.882</b>	<b>179.360.666.630</b>	<b>675.929.692.144</b>



17. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	364.575.640.000	79,25%	364.575.640.000	79,25%
<i>Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Đa quốc gia</i>	<i>364.575.640.000</i>	<i>79,25%</i>	<i>364.575.640.000</i>	<i>79,25%</i>
Vốn góp của các đối tượng khác	95.478.490.000	20,75%	95.478.490.000	20,75%
<b>Cộng</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>460.054.130.000</b>	<b>100,00%</b>

17. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	460.054.130.000	460.054.130.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	460.054.130.000	460.054.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

17. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.005.413	46.005.413
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.005.413	46.005.413
- Cổ phiếu phổ thông	46.005.413	46.005.413
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.005.413	46.005.413
- Cổ phiếu phổ thông	46.005.413	46.005.413
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

17. 5. Các quỹ của công ty:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	14.938.913.882	12.342.882.956
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	10.787.990.816	8.191.959.890
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.787.990.816	8.191.959.890

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	313.271,03	40.972,60
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán: Không có

19. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	7.630.021.200	6.735.654.500

Đây là nguồn kinh phí Bộ KH và CN cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nêm từ phụ phẩm cá tra".



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Đơn vị tính: VND  
Năm nay Năm trước

**a) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

2.212.780.654.424

2.096.301.957.816

Doanh thu dịch vụ

47.196.641.000

63.583.146.000

**Cộng**

**2.259.977.295.424**

**2.159.885.103.816**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

**02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Năm nay

Năm trước

Giảm giá hàng bán

5.354.440

**Cộng**

**5.354.440**

**03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Năm nay

Năm trước

Giá vốn của hàng hóa đã bán

2.130.512.382.031

2.017.332.558.466

Giá vốn dịch vụ

42.537.844.995

44.373.147.951

Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(15.555.000.000)

**Cộng**

**2.173.050.227.026**

**2.046.150.706.417**

**04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Năm nay

Năm trước

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

20.518.599.271

30.596.902.080

Lãi chênh lệch tỷ giá

1.528.353.337

918.037.293

**Cộng**

**22.046.952.608**

**31.514.939.373**

**05. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Năm nay

Năm trước

Lãi tiền vay

52.972.619.514

67.766.046.630

Lỗ chênh lệch tỷ giá

139.068.369

1.479.487.350

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và tổn thất đầu tư

**Cộng**

**53.111.687.883**

**69.245.533.980**

**06. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Năm nay

Năm trước

**06.1. Chi phí bán hàng**

Chi phí nguyên, vật liệu

2.052.872.356

1.612.997.195

Chi phí nhân viên

5.467.842.321

9.215.164.952

Chi phí dịch vụ mua ngoài

210.615.646

637.958.217

Các khoản chi phí bán hàng khác

**Cộng**

**7.731.330.323**

**11.466.120.364**

**06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên	5.155.613.854	4.756.125.650
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.174.000	70.816.292
Chi phí khấu hao	111.315.830	113.421.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	578.288.779	267.696.142
Thuế, phí, lệ phí	542.712.985	164.860.305
Các khoản chi phí QLDN khác	1.898.671.690	1.141.530.914
<b>Cộng</b>	<b>8.302.777.138</b>	<b>6.514.450.351</b>

**07 . THU NHẬP KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản khác	33.768.250	83
<b>Cộng</b>	<b>33.768.250</b>	<b>83</b>

**08 . CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản bị phạt	396.060.348	349.281.448
Các khoản khác	8	
<b>Cộng</b>	<b>396.060.356</b>	<b>349.281.448</b>

**09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên, vật liệu	279.989.039.166	239.434.936.088
Chi phí nhân công	12.409.124.440	11.952.237.01
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.749.628.596	51.744.904.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.734.960.836	13.795.107.141
Chi phí khác bằng tiền	4.408.901.470	3.692.261.090
<b>Cộng</b>	<b>357.291.654.508</b>	<b>320.619.446.108</b>

**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.800.128.732	5.753.332.191
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.800.128.732</b>	<b>5.753.332.191</b>

**11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	34.660.450.384	51.920.618.521
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.005.413	46.005.413
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>753</b>	<b>1.129</b>

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	34.660.450.384	51.920.618.521
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.005.413	46.005.413
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>753</b>	<b>1.129</b>

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN**

VII . TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm
 

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.568.750.748.023
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm
 

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	1.699.717.819.687

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		<b>1.365.393.625</b>	<b>1.296.733.580</b>
- Lê Văn Lâm	Tổng Giám đốc	650.480.000	611.034.480
- Lê Hoàng Cương	Phó Tổng giám đốc	327.197.625	342.787.750
- Lê Quốc Mạnh	Phó Tổng giám đốc	387.716.000	342.911.350
<b>Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		<b>491.850.000</b>	
- Lê Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	108.000.000	
- Lê Xuân Quế	Phó Chủ tịch HĐQT	56.700.000	
- Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT	86.400.000	
- Lê Thanh Thuận	Thành viên HĐQT	86.400.000	
- Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	56.700.000	
- Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	5.400.000	
- Lê Văn Chính	Thành viên HĐQT	5.400.000	
- Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT	5.400.000	
- Hoàng Thị Thanh	Thành viên HĐQT	24.750.000	
- Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	24.750.000	
- Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng BKS	1.350.000	
- Lê Thị Lâm	Trưởng BKS	13.950.000	
- Trịnh Thị Ngọc	Ủy viên	8.325.000	
- Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ủy viên	8.325.000	



**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty mẹ
Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Công ty CP Tập đoàn Sao Mai là công ty mẹ của Công ty CP Đầu tư & phát triển Đa quốc gia IDI

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Công ty CP Đầu Tư và PT Đa Quốc Gia I.D.I :			
	- Phí xử lý nước thải	176.192.000	133.392.000
	- Thuê dây chuyền chiết chai	2.374.064.000	2.484.218.000
	- Mượn tạm	5.000.000.000	
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai			
	- Xây dựng nhà kho		16.878.230.000
	- Xây dựng NM tỉnh lỵ huyện dẫu ăn		7.204.350.000
	- Hoàn tiền tạm ứng xây dựng nhà kho		23.121.770.000
	- Hoàn tiền tạm ứng xây dựng NM tỉnh lỵ huyện dẫu		37.795.650.000
	- Mượn tạm	15.000.000.000	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:  
 Các khoản phải trả

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Công ty CP ĐT Và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI			
	- Phí xử lý nước thải	139.800.000	311.944.000
	- Thuê dây chuyền chiết chai	1.469.108.000	2.098.436.000
	- Mượn tạm	5.000.000.000	

**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.049.904.322.484	210.067.618.500	2.259.971.940.984	1.994.148.479.816	165.736.624.000
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.049.904.322.484</b>	<b>210.067.618.500</b>	<b>2.259.971.940.984</b>	<b>1.994.148.479.816</b>	<b>165.736.624.000</b>	<b>2.159.885.103.816</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.458.201.358	42.463.512.600	86.921.713.958	64.003.217.779	49.731.179.620	113.734.397.399
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(15.506.776.759)	(527.330.702)	(16.034.107.461)	(17.000.917.562)	(979.653.153)	(17.980.570.715)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>70.887.606.497</b>		<b>70.887.606.497</b>			<b>95.753.826.684</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	22.046.952.608		22.046.952.608			31.514.939.373
Chi phí tài chính	(53.111.687.883)		(53.111.687.883)			(69.245.533.980)
Thu nhập khác	33.768.250		33.768.250			83
Chi phí khác	(396.060.356)		(396.060.356)			(349.281.448)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(4.800.128.732)		(4.800.128.732)			(5.753.332.191)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>34.660.450.384</b>		<b>34.660.450.384</b>			<b>51.920.618.521</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.086.508.730		4.086.508.730			83.858.466.599
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	51.189.640.906		51.189.640.906			51.910.328.855





- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	519.808.007.696	5.600.350.050	525.408.357.746	449.390.050
Tài sản không phân bổ		1.100.839.015.409		1.189.675.383.998
<b>Tổng tài sản</b>	<b>519.808.007.696</b>	<b>5.600.350.050</b>	<b>1.626.247.373.155</b>	<b>1.639.166.114.985</b>
Nợ phải trả bộ phận	129.140.125.415	3.188.652.594	132.328.778.009	8.911.715.344
Nợ phải trả không phân bổ		810.358.881.802		26.693.213.232
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>129.140.125.415</b>	<b>3.188.652.594</b>	<b>942.687.659.811</b>	<b>992.893.139.504</b>

**b. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, chế biến và xuất khẩu cá, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

**05 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**06 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



LƯU TRẦN TẤN

Kế toán trưởng



NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN LÂM

